

Chương 5 QUẢN LÝ CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC NGOÀI GIỜ LÊN LỚP



Sau khi học xong chương này, học viên sẽ có khả năng tốt hơn để:

- Nhận thức đúng về các hoạt động giáo dục (giáo dục ngoài giờ lên lớp, giáo dục dân số, giáo dục phòng chống ma túy), về tầm quan trọng của nó đối với quá trình hình thành và phát triển nhân cách học sinh.
- Xác định nội dung, hình thức các hoạt động giáo dục phù hợp với lứa tuổi học sinh và điều kiện cụ thể của từng nhà trường.
- Thực hiện các biện pháp quản lý các hoạt động giáo dục một cách có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện trong nhà trường.



A. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC NGOÀI GIỜ LÊN LỚP, GIÁO DỤC DÂN SỐ, GIÁO DỤC PHÒNG CHỐNG MA TÚY TRONG NHÀ TRƯỜNG PHỔ THÔNG

I. HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC NGOÀI GIỜ LÊN LỚP TRONG NHÀ TRƯỜNG PHỔ THÔNG

1. Khái niệm

Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp được hiểu như sau:

A “Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp là những hoạt động được tổ chức ngoài giờ học của các môn học ở trên lớp. Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp là sự tiếp nối hoạt động dạy – học trên lớp, là con đường gắn lí thuyết với thực tiễn, tạo nên sự thống nhất giữa nhận thức với hành động của học sinh”¹

“Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp là việc tổ chức giáo dục thông qua hoạt động thực tiễn của học sinh về khoa học-kĩ thuật, lao động công ích, hoạt động xã hội, hoạt động nhân đạo, văn hóa văn nghệ, thẩm mĩ, thể dục thể thao, vui chơi giải trí, v..v. để giúp các em hình thành và phát triển nhân cách (đạo đức, năng lực, sở trường...)”²

Như vậy, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp là hoạt động giáo dục được tổ chức ngoài thời gian học tập trên lớp. Đây là một trong hai hoạt động giáo dục cơ bản, được thực hiện một cách có tổ chức, có mục đích theo kế hoạch của nhà trường; là hoạt động tiếp nối và thống nhất hữu cơ với hoạt động học tập trên lớp, nhằm góp phần hình thành và phát triển nhân cách học sinh theo mục tiêu đào tạo, đáp ứng những yêu cầu đa dạng của xã hội đối với thế hệ trẻ.

¹ Bộ Giáo dục và Đào tạo - Chương trình trung học cơ sở - NXB Giáo dục 2002 – tr 99

² Đặng Vũ Hoạt (chủ biên) –Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp ở trường trung học cơ sở - NXBGD1998-tr7

Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp do nhà trường tổ chức và quản lý với sự tham gia của các lực lượng xã hội. Nó được tiến hành tiếp nối hoặc xen kẽ hoạt động dạy – học trong nhà trường hoặc trong phạm vi cộng đồng. Hoạt động này diễn ra trong suốt năm học và cả thời gian nghỉ hè để khép kín quá trình giáo dục, làm cho quá trình này được thực hiện ở mọi nơi, mọi lúc.



Anh/Chị hãy phân biệt các hoạt động:

- Hoạt động ngoài giờ lên lớp;
- Hoạt động Đoàn, Đội, Sao nhi đồng trong nhà trường;
- Hoạt động ngoại khóa bộ môn.

2. Vị trí, vai trò, mục tiêu, nhiệm vụ của hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp

2.1. Vị trí của hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp

2.1.1. *Nhà trường có nhiệm vụ dạy chữ và dạy người.* Nếu nhà trường chỉ thực hiện hoạt động dạy - học các bộ môn văn hóa trên lớp thì nhiệm vụ **dạy người** sẽ không hoàn thành, vì học sinh sẽ thiếu môi trường hoạt động và giao tiếp, hạn chế về tình huống thực tế, hạn chế về thời gian... các em hầu như không có điều kiện để trải nghiệm những kiến thức đã học vào hoạt động thực tế. Vì vậy, việc nhà trường tổ chức các hoạt động, các mối quan hệ khác nhau vào thời gian ngoài giờ lên lớp là điều kiện quan trọng để hình thành thái độ, rèn luyện hành vi, kỹ năng xã hội cho học sinh. Nói cách khác, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp có vị trí rất quan trọng trong việc thực hiện nhiệm vụ **dạy người** trong các nhà trường hiện nay.

Dưới góc độ chỉ đạo chung, vị trí của hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp được khẳng định tại điều 27 Điều lệ trường tiểu học và điều 24 Điều lệ trường trung học (ban hành ngày 11 tháng 7 năm 2000), là một trong hai hoạt động giáo dục trong nhà trường:

- Hoạt động giáo dục trên lớp được tiến hành thông qua các môn bắt buộc và tự chọn...

- Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp do nhà trường phối hợp với các lực lượng giáo dục ngoài nhà trường tổ chức,...

Như vậy, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp không phải là hoạt động “phụ”, hoạt động “bè nổi” mà giữ một vị trí rất quan trọng trong các hoạt động giáo dục của các nhà trường.

2.1.2. *Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp là cầu nối tạo ra mối liên hệ hai chiều giữa nhà trường và xã hội*

- Thông qua hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp nhà trường có điều kiện phát huy vai trò tích cực của mình đối với xã hội, mở ra khả năng thuận lợi để gắn học với hành, nhà trường với xã hội thông qua việc đưa Thầy và Trò tham gia các hoạt động cộng đồng.

- Bằng việc đóng góp sức người, sức của của cộng đồng để tổ chức các hoạt động giáo dục, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp là điều kiện và phương tiện để huy động sức mạnh cộng đồng tham gia vào quá trình đào tạo thế hệ trẻ, vào sự phát triển nhà trường.

2.2. Vai trò của hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp

Từ vị trí quan trọng nêu trên, theo các tác giả Nguyễn Dục Quang và Ngô Ngọc Quế thì hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp có những vai trò thể hiện ở những điểm sau:

- “*Đây là dịp để học sinh củng cố tri thức đã học ở trên lớp, biến tri thức thành niềm tin. Thông qua các hình thức hoạt động cụ thể, học sinh có dịp để đối chiếu, để kiểm nghiệm tri thức đã học, làm cho những tri thức đó trở thành của chính các em.*

- *Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp là sự tiếp nối hoạt động dạy học, do đó tạo nên sự hài hòa, cân đối của quá trình sư phạm tổng thể nhằm hiện thực hóa mục tiêu giáo dục của cấp học.*

- *Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp vừa củng cố, vừa phát triển quan hệ giao tiếp giữa các lớp trong trường và với cộng đồng xã hội.*

- *Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp thu hút và phát huy được tiềm năng của các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường để nâng cao hiệu quả giáo dục học sinh.*

- *Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp phát huy cao độ tính chủ thể, tính chủ động, tích cực của học sinh. Dưới sự cố vấn, giúp đỡ của giáo viên, học sinh cùng nhau tổ chức các hoạt động tập thể khác nhau trong đời sống hàng ngày ở nhà trường, ngoài xã hội. Từ đó giúp hình thành những kinh nghiệm giao tiếp, ứng xử có văn hóa, giúp cho việc hình thành và phát triển nhân cách ở các em.”*

2.3. Mục tiêu của hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp

2.3.1. Ở trường Tiểu học

Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp ở trường Tiểu học nhằm:

1. *Củng cố và khắc sâu kiến thức của các môn học trên lớp; mở rộng hiểu biết cho học sinh về các lĩnh vực của đời sống cộng đồng, bước đầu hình thành kinh nghiệm hoạt động tập thể của học sinh.*

2. *Bước đầu rèn luyện và hình thành cho học sinh các kỹ năng cơ bản phù hợp với lứa tuổi học sinh tiểu học như: kỹ năng giao tiếp ứng xử có văn hóa; kỹ năng tổ chức và tham gia các hoạt động tập thể với tư cách là chủ thể của hoạt động; kỹ năng tự kiểm tra đánh giá kết quả học tập, rèn luyện; hình thành các hành vi, thói quen tốt trong học tập, lao động tự phục vụ và hoạt động tập thể.*

3. *Bồi dưỡng thái độ tự giác tham gia các hoạt động tập thể; hình thành tình cảm chân thành, niềm tin trong sáng với cuộc sống, với quê hương đất nước; có thái độ đúng đắn đối với các hiện tượng tự nhiên và xã hội.*

2.3.2. Ở trường Trung học cơ sở

Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp ở trường trung học cơ sở nhằm³:

“1. Củng cố và khắc sâu những kiến thức của các môn học; mở rộng và nâng cao hiểu biết cho học sinh về các lĩnh vực của đời sống xã hội, làm phong phú thêm vốn tri thức, kinh nghiệm hoạt động tập thể của học sinh.

2. Rèn luyện cho học sinh các kỹ năng cơ bản phù hợp với lứa tuổi học sinh trung học cơ sở như: kỹ năng giao tiếp ứng xử có văn hóa; kỹ năng tổ chức quản lý và tham gia các hoạt động tập thể với tư cách là chủ thể của hoạt động; kỹ năng tự kiểm tra đánh giá kết quả học tập, rèn luyện; củng cố, phát triển các hành vi, thói quen tốt trong học tập, lao động và công tác xã hội.

3. Bồi dưỡng thái độ tự giác tích cực tham gia các hoạt động tập thể và hoạt động xã hội; hình thành tình cảm chân thành, niềm tin trong sáng với cuộc sống, với quê hương đất nước; có thái độ đúng đắn đối với các hiện tượng tự nhiên và xã hội.”

2.3.3. Ở trường Trung học phổ thông

Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp ở trường Trung học phổ thông có mục tiêu giúp cho học sinh⁴:

“1. Nâng cao hiểu biết về các giá trị truyền thống của dân tộc, biết tiếp thu những giá trị tốt đẹp của nhân loại; củng cố, mở rộng kiến thức đã học trên lớp; có thức trách nhiệm với bản thân, gia đình, nhà trường và xã hội; có ý thức lựa chọn nghề nghiệp.

2. Củng cố vững chắc các kỹ năng cơ bản đã được rèn luyện từ trung học cơ sở để trên cơ sở đó tiếp tục hình thành và phát triển các năng lực chủ yếu như: năng lực tự hoàn thiện, năng lực thích ứng, năng lực giao tiếp, năng lực hoạt động chính trị - xã hội, năng lực tổ chức quản lý...

3. Có thái độ đúng đắn trước những vấn đề của cuộc sống, biết chịu trách nhiệm về hành vi của bản thân; đấu tranh tích cực với những biểu hiện sai trái của bản thân (để tự hoàn thiện mình) và của người khác; biết cảm thụ và đánh giá cái đẹp trong cuộc sống”.

2.4. Nhiệm vụ của hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp

2.4.1. Nhiệm vụ giáo dục về nhận thức

- Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp giúp học sinh bổ sung, củng cố và hoàn thiện những tri thức đã được học trên lớp; giúp cho các em có những hiểu biết mới, mở rộng nhãn quan với thế giới xung quanh, cộng đồng xã hội.

- Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp giúp học sinh biết vận dụng những tri thức đã học để giải quyết các vấn đề do thực tiễn đời sống (tự nhiên, xã hội) đặt ra, giúp các em định hướng nghề nghiệp trong tương lai.

- Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp giúp học sinh biết tự điều chỉnh hành vi,

³ Bộ Giáo dục và Đào tạo - *Chương trình trung học cơ sở* - NXB Giáo dục 2002 – tr 99

⁴ Bộ Giáo dục và Đào tạo – *Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp 10, Sách giáo viên thí điểm* – NXBGD 2003 – tr 3

lối sống cho phù hợp chuẩn mực đạo đức. Qua đó cũng từng bước làm giàu thêm những kinh nghiệm thực tế, xã hội cho các em.

- Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp giúp học sinh định hướng chính trị, xã hội, có những hiểu biết nhất định về truyền thống đấu tranh cách mạng, truyền thống xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, truyền thống văn hóa tốt đẹp của đất nước...qua đó cũng tăng thêm sự hiểu biết của các em về Bác Hồ, về Đảng, về Đoàn, về Đội...mà thực hiện tốt nghĩa vụ của học sinh, của đội viên, của đoàn viên.

- Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp giúp học sinh có những hiểu biết tối thiểu về các vấn đề có tính thời đại như vấn đề quốc tế, hợp tác, hòa bình và hữu nghị, vấn đề bảo vệ môi sinh, môi trường, vấn đề dân số và kế hoạch hóa gia đình, vấn đề pháp luật...

2.4.2. Nhiệm vụ giáo dục về thái độ

- Trước hết, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp phải tạo cho học sinh những hứng thú và lòng ham muốn hoạt động. Vì vậy, đòi hỏi nội dung, hình thức và qui mô hoạt động phải phù hợp với đặc điểm tâm sinh lí, lứa tuổi và nhu cầu của học sinh, lôi cuốn các em tự giác tham gia để đạt được hiệu quả giáo dục.

- Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp từng bước hình thành cho học sinh niềm tin vào những giá trị mà các em phải vươn tới, đó là niềm tin vào chế độ xã hội chủ nghĩa đang đổi mới mà Bác Hồ và Đảng ta đã chọn, tin vào tiền đồ, tương lai của đất nước. Từ đó các em có lòng tự hào dân tộc, mong muốn làm đẹp thêm truyền thống của trường, của lớp, của quê hương mình, mong muốn vươn lên trở thành con ngoan, trò giỏi để trở thành công dân có ích cho xã hội mai sau.

- Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp bồi dưỡng cho học sinh những tình cảm đạo đức trong sáng, qua đó giúp các em biết kính yêu và trân trọng cái tốt, cái đẹp, biết ghét và đấu tranh với cái xấu, cái lỗi thời không phù hợp.

- Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp bồi dưỡng cho học sinh tính tích cực, tính năng động, sẵn sàng tham gia hoạt động xã hội. hoạt động tập thể của trường, của lớp vì lợi ích chung, vì sự trưởng thành và tiến bộ của bản thân.

- Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp còn góp phần giáo dục cho học sinh tình đoàn kết hữu nghị với thanh thiếu niên, nhi đồng quốc tế, với các dân tộc trên thế giới.

2.4.3. Nhiệm vụ rèn luyện kĩ năng

- Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp rèn luyện cho học sinh những kĩ năng giao tiếp, ứng xử có văn hóa, những thói quen tốt trong học tập, lao động công ích và trong các hoạt động khác.

- Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp rèn luyện cho học sinh các kĩ năng tự quản, trong đó có kĩ năng tổ chức, kĩ năng điều khiển và thực hiện một hoạt động tập thể có hiệu quả, kĩ năng nhận xét, đánh giá kết quả hoạt động.

- Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp rèn luyện cho học sinh các kĩ năng giáo dục, tự điều chỉnh, kĩ năng hòa nhập để thực hiện tốt các nhiệm vụ do thầy cô hoặc tập thể giao cho.

3. Các nguyên tắc tổ chức hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp



Hàng năm, cứ đến dịp kỉ niệm ngày thành lập Đảng 3/2, trường trung học cơ sở X ở TP.Hồ Chí Minh lại tổ chức cho học sinh các khối lớp đi tham quan Bảo tàng lịch sử. Bao giờ học sinh khối lớp 6 cũng tham gia đủ nhất, số học sinh các khối lớp khác giảm dần và học sinh khối lớp 9 tham gia ít nhất. Anh/Chị hãy lí giải hiện tượng này, từ đó đưa ra cách thức tổ chức hoạt động để có thể lôi cuốn sự hào hứng, nhiệt tình tham gia của học sinh.

Để đạt được chất lượng và hiệu quả giáo dục mong muốn, nhà trường cần phải tuân thủ một số nguyên tắc tổ chức hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp sau đây:

3.1. Nguyên tắc về tính mục đích, tính kế hoạch

- *Tính mục đích*: Bất cứ hoạt động giáo dục nào cũng phải đạt được những mục đích nhất định, tuy nhiên thực tiễn giáo dục trong nhà trường cho thấy, mục tiêu giáo dục của các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp thường bị che lấp bởi những tiêu chí mang tính thi đua, phong trào như nhà trường sẽ có giải vàng về điền kinh trong Hội khỏe Phù đồng cấp tỉnh, giải thi tìm hiểu Luật giao thông đường bộ... Vì vậy, nhà trường phải xác định mục đích của hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp cho cả năm học, từng học kì, từng hoạt động; trong đó cần *định hướng tính đa dạng của mục tiêu giáo dục nhằm thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện.*

- *Tính kế hoạch*: kế hoạch sẽ định hướng và giúp cho việc tổ chức hoạt động có chất lượng và hiệu quả. Tính kế hoạch của hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp sẽ đảm bảo tính ổn định tương đối, tính hệ thống và tính hướng đích, không gây sự hỗn loạn và tùy tiện trong tổ chức các hoạt động của nhà trường. Trên cơ sở kế hoạch, nhà trường chủ động định hướng cách thức tổ chức, dự tính các nguồn lực (con người, kinh phí, cơ sở vật chất, thời gian), nội dung, hình thức cũng như qui mô hoạt động; sự chuẩn bị kế hoạch giáo dục chu đáo sẽ đem lại chất lượng, hiệu quả giáo dục mà nhà trường và xã hội mong muốn.

3.2. Nguyên tắc về tính tự nguyện, tự giác tham gia hoạt động

- Nếu học sinh bắt buộc phải học tập các môn học trên lớp thì các em có quyền lựa chọn tham gia các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp mà các em ưa thích. Nguyên tắc này đảm bảo học sinh có quyền lựa chọn tham gia các hoạt động phù hợp với khả năng, hứng thú, sức khỏe và điều kiện cụ thể của bản thân mỗi em; chỉ có như vậy, nhà trường – nhà giáo dục mới tạo được sự hứng thú, tự giác và tích cực tham gia hoạt động, phát huy được thiên hướng, khả năng của mỗi học sinh, trên cơ sở đó giúp nhà trường và gia đình hướng nghiệp học sinh phù hợp nhất.

- Nguyên tắc này đòi hỏi nhà trường – các nhà giáo dục phải tổ chức được nhiều hoạt động phong phú, đa dạng; tổ chức và duy trì được nhiều nhóm hoạt động với các chủ đề khác nhau như các câu lạc bộ bộ môn, các đội thể thao, đội văn nghệ...; các hoạt động giao lưu kết bạn trong và ngoài nhà trường, hoạt động tham quan du lịch kết hợp học tập, các hoạt động văn nghệ, thể thao, lao động công ích, từ thiện xã hội... Chỉ khi nhà trường tổ chức được nhiều hoạt động phong phú, đa dạng thì học sinh mới có

cơ hội được lựa chọn tham gia loại hình hoạt động mà mình ưa thích, khi đó nguyên tắc đảm bảo tính tự giác, tự nguyện tham gia hoạt động của học sinh mới trở thành hiện thực. Thực hiện tốt nguyên tắc này sẽ góp phần nâng cao chất lượng giáo dục trong nhà trường.

3.3. Nguyên tắc tính đến đặc điểm lứa tuổi và tính cá biệt của học sinh

Trong quá trình hình thành và phát triển nhân cách học sinh, mỗi lứa tuổi có những đặc điểm tâm sinh lí khác nhau, cá biệt có một số ít học sinh có những biểu hiện khác biệt trong quá trình phát triển. Nhà trường – giáo viên phải hiểu những nét đặc trưng của sự phát triển này để tổ chức hoạt động có nội dung và hình thức đáp ứng nhu cầu và phù hợp với khả năng của từng lứa tuổi học sinh. Vì vậy, giáo viên cần thường xuyên theo dõi học sinh, phát hiện những nét mới, những khả năng mới được hình thành ở các em để kịp thời đề xuất và điều chỉnh nội dung và hình thức hoạt động cho phù hợp với sự phát triển của các em trong từng giai đoạn của năm học, của cấp học.

3.4. Nguyên tắc kết hợp sự lãnh đạo sự phạm của thầy với tính tích cực, độc lập và sáng tạo của học sinh

- Tính tích cực, độc lập và sáng tạo được coi là những tiêu chí đánh giá khả năng tham gia hoạt động của học sinh, trình độ tự quản các hoạt động tập thể của các em. Đặc biệt, đối với học sinh THCS, THPT thì nguyên tắc này phải được quán triệt trong quá trình tổ chức hoạt động cho học sinh, phải được thể hiện từ bước chuẩn bị hoạt động, đến bước tiến hành hoạt động cho đến đánh giá kết quả hoạt động. Trong mỗi bước, học sinh phải thực sự phát huy khả năng của mình, được bày tỏ ý kiến của mình cũng như những sáng kiến nhằm giúp cho chính hoạt động của tập thể đạt hiệu quả.

- Ở lứa tuổi học sinh phổ thông, các em chưa có đủ kinh nghiệm sống, kinh nghiệm tổ chức hoạt động; vì vậy, vai trò của thầy cô giáo là người định hướng, gợi ý, dẫn dắt, giúp đỡ các em trong quá trình tổ chức hoạt động nhưng không làm thay họ.

4. Nội dung hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp

(1) Anh/Chị hãy xác định nội dung và hình thức hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp được tổ chức trong các nhà trường hiện nay.

(2) Anh/Chị hãy xây dựng nội dung và hình thức hoạt động của các tiết sinh hoạt dưới cờ tháng 9 ở đơn vị công tác.

(3) Anh/Chị hãy xây dựng nội dung và hình thức hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp tháng 11 cho từng khối lớp trong nhà trường.

(4) Anh/Chị hãy xây dựng nội dung và hình thức hoạt động của các tiết sinh hoạt lớp cuối tuần của từng khối lớp trong tháng 3 ở đơn vị công tác.

4.1. Nội dung hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp

Nội dung hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp rất đa dạng và phong phú, thể hiện tập trung ở các loại hình hoạt động sau đây:

- Hoạt động chính trị - xã hội và nhân văn;
- Hoạt động văn hóa nghệ thuật;
- Hoạt động thể dục thể thao;

- Hoạt động lao động, khoa học, kỹ thuật, hướng nghiệp;
- Hoạt động vui chơi giải trí.

4.2. Một số hình thức tổ chức hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp

Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp ở trường phổ thông rất đa dạng và phong phú, song do những yêu cầu thực tiễn mà hoạt động này được thực hiện chủ yếu thông qua 3 hình thức tổ chức cơ bản (đã được qui định và dành thời gian trong kế hoạch dạy học) sau đây:

- (1). Tiết chào cờ đầu tuần;
- (2). Tiết hoạt động ngoài giờ lên lớp hàng tuần, tiết hoạt động tập thể lớp cuối tuần;
- (3). Hoạt động giáo dục theo chủ điểm hàng tháng.

5. Qui trình tổ chức hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp

Theo GS Đặng Vũ Hoạt, Qui trình chung tổ chức một hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp cho học sinh (qui mô lớp hoặc qui mô trường) nên tiến hành theo các bước sau:

- Bước 1: Đặt tên chủ đề hoạt động và xác định các yêu cầu giáo dục cần phải đạt được

+ Trước hết, các nhà giáo dục cần xác định chủ đề của hoạt động, vì chủ đề chứa đựng nội dung hoạt động và định hướng cho việc lựa chọn hình thức hoạt động phù hợp với lứa tuổi và điều kiện cụ thể của nhà trường.

+ Sau khi lựa chọn chủ đề, cần xác định rõ mục tiêu giáo dục để chỉ đạo triển khai hoạt động đúng hướng và có hiệu quả. Việc xác định mục tiêu hoạt động phải căn cứ vào các nhiệm vụ của hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, chú ý vào 3 yêu cầu giáo dục:

(1) Yêu cầu giáo dục về nhận thức: hoạt động sẽ cung cấp cho học sinh những hiểu biết, những thông tin gì? củng cố hoặc nâng cao những hiểu biết gì cho học sinh?

(2) Yêu cầu giáo dục về thái độ: qua hoạt động sẽ giáo dục học sinh về mặt tình cảm, thái độ gì ? (yêu ghét, hứng thú, tích cực...)

(3) Yêu cầu giáo dục về kỹ năng: qua hoạt động sẽ hình thành ở học sinh những kỹ năng gì ? (kỹ năng giao tiếp, ứng xử; kỹ năng tự phục vụ; kỹ năng tự quản...)

- Bước 2: Chuẩn bị cho hoạt động

Sau khi đã xác định chủ đề và mục tiêu hoạt động, hiệu quả của hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp phụ thuộc phần lớn vào việc chuẩn bị cho hoạt động, cụ thể là:

+ Vạch kế hoạch bao gồm: dự kiến thời gian chuẩn bị, thời gian tiến hành hoạt động; dự kiến nội dung và hình thức hoạt động; dự kiến những điều kiện về kinh phí, phương tiện hoạt động và cơ sở vật chất cho hoạt động;

+ Dự kiến những công việc phải chuẩn bị và phân công lực lượng tham gia chuẩn bị. Lực lượng tham gia chuẩn bị chủ yếu là học sinh; nhưng trong nhiều hoạt động cần có sự tham gia chuẩn bị của giáo viên bộ môn, cha mẹ học sinh, đoàn – đội, các lực lượng ngoài xã hội ...;

- + Xây dựng chương trình thực hiện hoạt động;
- + Bồi dưỡng đội ngũ cốt cán học sinh về kỹ năng tự quản, kỹ năng điều khiển hoạt động ...;
- + Đôn đốc, kiểm tra việc chuẩn bị.

Trong quá trình chuẩn bị hoạt động, nhà giáo dục phải khuyến khích và lôi cuốn học sinh tham gia vào các công việc chuẩn bị, để học sinh là chủ thể tích cực hoạt động.

- Bước 3: Tiến hành hoạt động

Ở bước này, học sinh sẽ điều khiển hoạt động theo chương trình đã được xây dựng từ trước. Nhà giáo dục tham gia như một đại biểu và chỉ xuất hiện khi thật cần thiết để giúp học sinh giải quyết những tình huống bất ngờ trong quá trình hoạt động.

- Bước 4: Đánh giá kết quả hoạt động và tổ chức rút kinh nghiệm

Việc đánh giá kết quả hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp có liên quan tới kết quả giáo dục toàn diện của nhà trường, của lớp; vì vậy, cần phải tổ chức đánh giá kết quả từng hoạt động cũng như đánh giá sau một thời kì (học kì, năm học) để từ đó rút kinh nghiệm cho việc tổ chức các hoạt động tiếp theo.

II. HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC DÂN SỐ TRONG NHÀ TRƯỜNG PHỔ THÔNG

1. Khái quát về giáo dục dân số

1.1. Một số khái niệm

1.1.1. Khái niệm “dân số”

Ngày nay, “dân số” trở thành phạm trù trung tâm thu hút sự quan tâm của mỗi gia đình, mỗi cộng đồng, mỗi quốc gia và toàn cầu. Vậy, dân số là gì ?

- Theo nghĩa hẹp, “dân số” của một khu vực (cộng đồng, quốc gia) là tổng số dân sinh sống ở khu vực đó (cộng đồng, quốc gia)

- Theo nghĩa rộng, “dân số” phải được xem xét trên hai mặt: số lượng và chất lượng của số dân đó. Chất lượng dân số thể hiện ở các mặt: thể lực, trí lực, trình độ, kỹ năng lao động sản xuất các sản phẩm vật chất, tinh thần.

Quan điểm kinh tế thuần túy thường nhấn mạnh đến mặt số lượng của “dân số”, tức là số dân; mặt chất lượng của dân số chưa được coi trọng. Quan điểm kinh tế xem xét tiến bộ xã hội có tính toàn diện vừa chú ý đến sự tăng trưởng, vừa chú ý tới sự phát triển và nâng cao chất lượng cuộc sống. Quan điểm này nhìn nhận vấn đề “dân số” trên cả hai mặt: số lượng và chất lượng.

1.1.2. Khái niệm “giáo dục dân số”

A *Giáo dục dân số là thuật ngữ mà tổ chức UNESCO sử dụng để chỉ một chương trình giáo dục giúp người học hiểu được mối quan hệ qua lại giữa động lực dân số và các nhân tố khác của chất lượng cuộc sống. Từ đó có những quyết định hợp lý, có trách nhiệm, có những hành vi đúng đắn về các lĩnh vực dân số, nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống của bản thân, gia đình, cộng đồng, đất nước và thế giới.*

Như vậy, mục đích chính của giáo dục dân số là nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân ở cấp vi mô và vĩ mô. Giáo dục dân số giúp người học phát triển hiểu biết của họ về các vấn đề dân số; mở rộng tầm nhìn của họ, phát triển các kỹ năng phù hợp trong việc phân tích và xác định vấn đề một cách có ý nghĩa về mặt cá nhân và phù hợp về mặt xã hội. Giáo dục dân số là một phần không thể tách rời của những cố gắng phát triển toàn diện nhằm cải thiện chất lượng cuộc sống của cá nhân và quốc gia.

Giáo dục dân số là vấn đề của mọi quốc gia. Mỗi quốc gia có chính sách dân số và chủ trương giáo dục dân số phù hợp với sự phát triển kinh tế xã hội của mình ở từng thời kì, rút kinh nghiệm quá khứ để xác định giải pháp cho hiện tại và dự báo chiến lược cho tương lai. Mặt khác, giáo dục dân số được thực hiện không phải chỉ dành cho thanh thiếu niên trong lứa tuổi học đường thuộc hệ thống giáo dục quốc dân mà cho các thành viên ở mọi lứa tuổi trong xã hội.

Ngày nay, giáo dục dân số được thừa nhận là một chương trình giáo dục giúp người học hiểu được mối quan hệ giữa tình hình dân số và những nhân tố khác của chất lượng cuộc sống của mỗi người, mỗi gia đình, mỗi cộng đồng, mỗi quốc gia và toàn thế giới. Giáo dục dân số là một khoa học tổng hợp mới ra đời nhằm điều khiển sự phát triển dân số, đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa dân số và các nguồn của cải vật chất trên phạm vi toàn cầu và ở từng quốc gia.

1.1.3. Một số khái niệm liên quan

- **Chất lượng cuộc sống:** chất lượng cuộc sống ở cấp vi mô là chất lượng cuộc sống của mỗi con người, mỗi gia đình; chất lượng cuộc sống ở cấp vĩ mô là chất lượng cuộc sống của toàn xã hội và trên các bình diện khác rộng lớn hơn. Đây là một khái niệm rất phức tạp vì nó đòi hỏi sự thỏa mãn về những nhu cầu tinh cảm và các nguyện vọng xã hội của cộng đồng hay của xã hội cũng như những khả năng đáp ứng được các nhu cầu cơ bản về lương thực, năng lượng, nhà ở... của chính bản thân xã hội. Nhưng, chắc chắn rằng chất lượng cuộc sống bao giờ cũng bao gồm mức sống, lối sống và mức độ bền vững ổn định của xã hội và mức độ mà xã hội có thể sống hài hòa với tự nhiên mà không làm hại bản thân nó hoặc môi trường xung quanh. Chất lượng cuộc sống ở mức vi mô và vĩ mô được qui định bởi năm nhân tố sau:

+ Nhân tố thứ nhất là các động lực dân số (bao gồm các yếu tố có ảnh hưởng lẫn nhau là qui mô dân số, tốc độ gia tăng dân số, cơ cấu dân số theo độ tuổi, tỉ lệ sinh, tỉ lệ chết, di dân...);

+ Nhân tố thứ hai là hệ thống chính trị xã hội (bao gồm hệ thống xã hội, các giá trị, tôn giáo, lối sống, các giá trị văn hóa, hệ thống chính trị);

+ Nhân tố thứ ba là quá trình phát triển (bao gồm hệ thống kinh tế, các mối quan hệ quốc tế, viện trợ, thương mại, những ưu tiên về phát triển);

+ Nhân tố thứ tư là nguồn tài nguyên (bao gồm nguồn tài nguyên con người, lương thực, vốn tự nhiên, kỹ thuật);

+ Nhân tố thứ năm là mức sống (bao gồm bình quân tổng thu nhập quốc dân trên đầu người, y tế, giáo dục, nhà ở, các phúc lợi xã hội).

Năm nhân tố trên có tác động ảnh hưởng qua lại tới chất lượng của cuộc sống,

trong đó động lực dân số là nhân tố hàng đầu của chất lượng cuộc sống, nó có ảnh hưởng và tác động qua lại với những nhân tố khác. Trong những năm gần đây, khi đánh giá chất lượng cuộc sống, thế giới sử dụng chỉ số phát triển con người HDI để xếp loại chất lượng cuộc sống của các quốc gia, các vùng miền. HDI là chỉ số tổng hợp của 3 tiêu chí về: giáo dục (số năm đi học bình quân đầu người trong toàn dân số), y tế (tuổi thọ trung bình toàn dân số) và thu nhập bình quân trên đầu người (GDP/người).

- Giáo dục kế hoạch hóa gia đình được xem là một việc rất quan trọng của giáo dục dân số. Nội dung chủ yếu của giáo dục kế hoạch hóa gia đình là vấn đề sinh đẻ có kế hoạch (các phương pháp hạn chế sinh đẻ, khoảng cách giữa các lần sinh, vấn đề chăm sóc, bảo vệ bà mẹ và trẻ sơ sinh...). Ngoài ra, kế hoạch hóa gia đình còn bao gồm vấn đề tổ chức lao động, đời sống vật chất sao cho qui mô gia đình hợp lí. Như vậy, kế hoạch hóa gia đình gắn liền với xây dựng gia đình văn hóa, tạo những quan hệ tình cảm đạo đức trong sáng, lành mạnh và tốt đẹp.

- Giáo dục giới tính chủ yếu quan tâm đến vấn đề tình dục của con người, sự sinh đẻ và các quan hệ giới tính. Mục đích của giáo dục giới tính là nhằm phát triển sự hiểu biết cá nhân về bản chất giới tính của mình, hiểu biết và tôn trọng người khác như là những cá nhân có giới tính. Việc phát triển những hiểu biết này nhằm làm cho mọi người có những trách nhiệm về hành vi của cá nhân mình. Cụ thể hơn, giáo dục giới tính nhằm trang bị cho thế hệ trẻ sự hiểu biết về hành vi đạo đức có văn hóa trong quan hệ với người khác giới

Thực chất của giáo dục giới tính là một quá trình rèn luyện cho thế hệ trẻ có những phẩm chất, tính cách, hành vi và thái độ cần thiết trong quan hệ với người khác giới. Nội dung giáo dục giới tính có hai mặt:

+ Thứ nhất là sự hiểu biết những gì phù hợp với nền văn hóa xã hội, trong đó có quan hệ của mình với người khác giới;

+ Thứ hai là biết cách ứng xử, biết cách giải quyết những tình huống và những vấn đề cụ thể với người khác giới.

Ngày nay, giáo dục giới tính bao gồm những kiến thức khoa học về mối quan hệ nam - nữ dựa trên những thành tựu của nhiều ngành khoa học như đạo đức học, tâm lí học, xã hội học, sinh học, mỹ học, y học... Giáo dục giới tính đề cập tới nhiều vấn đề cơ bản như tình bạn, tình bạn khác giới, tình yêu lứa đôi chân chính, thái độ và hành vi văn hóa của nam và nữ trong quan hệ tình bạn và tình yêu... Ngoài ra, giáo dục giới tính còn cung cấp những hiểu biết thông thường về các bệnh lây nhiễm do quan hệ tình dục, đặc biệt là bệnh AIDS.

- Giáo dục đời sống gia đình quan tâm tới những thay đổi về bản chất và vai trò của gia đình trong thế giới hiện đại. Mục tiêu là để phát triển năng lực của các thành viên trong gia đình, để thực hiện vai trò của mình một cách hữu hiệu hơn, để cải thiện sự giao tiếp giữa các thành viên trong gia đình và cải thiện chất lượng cuộc sống. Giáo dục đời sống gia đình chủ yếu đặt vào đơn vị gia đình.

Giáo dục đời sống gia đình là một quá trình giáo dục nhằm giúp thế hệ trẻ phát triển về thể chất, ý thức xã hội, tình cảm đạo đức trong quá trình trưởng thành, trong thời kì chuẩn bị cho hôn nhân, chuẩn bị làm cha mẹ cũng như chuẩn bị các mối quan hệ của họ trong khuôn khổ gia đình. Đó là quá trình cung cấp cho thế hệ trẻ những

hiểu biết đầy đủ, chính xác về các khía cạnh sinh học, văn hóa xã hội và đạo đức của hoạt động gia đình với tư cách là tế bào của xã hội.

- Sức khỏe sinh sản: Tại Hội nghị quốc tế về dân số và phát triển được tổ chức tại Cai rô, thủ đô Ai Cập tháng 9/1994, trong chương trình hành động của Hội nghị, người ta đã định nghĩa : “*Sức khỏe sinh sản là trạng thái sức khỏe hoàn hảo về thể chất, tinh thần và xã hội trong mọi khía cạnh liên quan tới hệ thống, chức năng và quá trình sinh sản, chứ không chỉ đơn thuần không có bệnh hoặc không tàn tật*”. Như thế, sức khỏe sinh sản có nghĩa là mọi người có thể có được một cuộc sống tình dục an toàn, thỏa mãn và họ có khả năng sinh sản và tự do quyết định sinh con hay không, sinh khi nào và sinh bao nhiêu. Ngầm hiểu trong điều cuối cùng là quyền của cả đàn ông và đàn bà có được thông tin và có thể tiếp cận với những biện pháp kế hoạch hóa gia đình an toàn, có hiệu quả, có thể chi trả, chấp nhận được và do họ lựa chọn để điều tiết sinh sản nếu như không trái luật, và quyền được tiếp cận với những dịch vụ chăm sóc sức khỏe thích hợp giúp cho đôi lứa có cơ may để có đứa con khỏe mạnh. Phù hợp với định nghĩa về sức khỏe sinh sản nói trên, chăm sóc sức khỏe sinh sản được xác định là những biện pháp, kỹ thuật dịch vụ đóng góp cho sức khỏe và hạnh phúc về sức khỏe sinh sản. Sức khỏe sinh sản cũng bao gồm cả sức khỏe tình dục, mà mục đích của nó là tăng cường cuộc sống và mối quan hệ cá nhân, không chỉ riêng việc tư vấn và chăm sóc liên quan đến sức khỏe sinh sản và các bệnh lây truyền đường tình dục.

- Sức khỏe sinh sản vị thành niên

+ Vị thành niên là ai ? Theo định nghĩa do Tổ chức Y tế thế giới đưa ra, vị thành niên là những người từ 10 đến 19 tuổi; trên thực tế, khoảng tuổi này chia làm 2 nhóm: nhóm trước dậy thì và nhóm sau dậy thì. Đứng về góc độ sức khỏe sinh sản, hai nhóm này có những vấn đề khác nhau về sức khỏe sinh sản, hoặc nếu có cùng một vấn đề thì mức độ cũng khác nhau.

+ Sức khỏe sinh sản vị thành niên là những vấn đề về sức khỏe sinh sản liên quan đến vị thành niên như: (1) Hoạt động tình dục ở lứa tuổi vị thành niên, (2) Hậu quả của hoạt động tình dục ở vị thành niên: thai nghén ngoài ý muốn, các bệnh lây truyền đường tình dục.

1.2. Vị trí, vai trò của giáo dục dân số trong nhà trường phổ thông

1.2.1. Vị trí của giáo dục dân số trong nhà trường phổ thông

Giáo dục dân số là một trong số các hoạt động giáo dục quan trọng để thực hiện giáo dục toàn diện trong nhà trường phổ thông ngày nay. Nó nhằm trang bị cho người học những hiểu biết về các vấn đề liên quan đến sự phát triển dân số, chính sách dân số của quốc gia, mang lại những biến đổi mong muốn trong hành vi sinh sản của những Ông bố, Bà mẹ tương lai; góp phần giúp cho loài người chiến thắng được nghèo nàn lạc hậu, khắc phục được tận gốc sự mất cân bằng sinh thái, xây dựng một cuộc sống văn minh, ấm no, hạnh phúc cho mỗi gia đình, mỗi dân tộc và cả nhân loại.

1.2.2. Vai trò của giáo dục dân số trong nhà trường phổ thông

Giáo dục dân số được thực hiện qua nhiều kênh: qua các phương tiện thông tin đại chúng, qua sinh hoạt tại các cơ quan, đoàn thể, tổ chức xã hội, qua giáo dục trong các nhà trường. Giáo dục dân số trong nhà trường cho thế hệ trẻ có vai trò quan trọng trong thực hiện chiến lược dân số vì:

- Giáo dục dân số trong nhà trường phổ thông một cách có hệ thống từ bậc tiểu học là một kênh giáo dục dân số cơ bản nhất, vững chắc nhất và lâu dài nhất; thực chất là phổ cập giáo dục dân số cho toàn thể công dân tương lai của đất nước.

- Giáo dục dân số trong nhà trường phổ thông tạo cơ hội để đưa những kiến thức và chính sách dân số quốc gia tới từng gia đình, vì hầu hết các gia đình đều có con em đang học ở các bậc học, cấp học phổ thông; chính thông qua thế hệ trẻ mà những kiến thức và chính sách dân số quốc gia sẽ tác động tới nhận thức và làm thay đổi hành vi về dân số - kế hoạch hóa gia đình của những người lớn trong gia đình.

- Giáo dục dân số trong nhà trường phổ thông giúp cho đội ngũ giáo viên, công nhân viên nhà trường có những hiểu biết về dân số - kế hoạch hóa gia đình, hình thành ở họ thái độ và hành vi sinh sản phù hợp với chính sách dân số của nhà nước, góp phần hiện thực hóa các mục tiêu của Chiến lược dân số.

2. Chính sách dân số của Việt Nam

2.1. Tình hình dân số ở Việt Nam

- Qui mô dân số:

Trong hơn 50 năm qua, dân số nước ta tăng quá nhanh, đặc biệt là thập niên 60, 70 và 80 của thế kỉ 20

Tình hình dân số qua các thời kì

Năm	1939	1945	1960	1970	1980	1989	1999	2005
Dân số (triệu)	18	25	30	39	54	64.4	76.3	83

Mức tăng dân số của thời kì 1989 – 1999 là 11.9 triệu người, tương đương với mức tăng của thời kì 1979 – 1989 là 11.6 triệu người.

Tỉ lệ gia tăng dân số trong thập niên 90 của thế kỉ 20 và đầu thế kỉ 21

Năm	1992	1993	1995	1996	1998	2000	2003	2005
Tỉ số gia tăng (%)	2.18	2.14	2.06	1.88	1.7	1.53	1.47	1.33

Trong thập niên 90 của thế kỉ 20 và những năm đầu thế kỉ 21, nhờ thực hiện có hiệu quả chính sách dân số quốc gia nên tỉ lệ gia tăng dân số đã giảm đều qua mỗi năm. Tỉ lệ tăng dân số bình quân hàng năm thời kì 1989 – 1999 là 1.7%, thời kì 1979 – 1989 là 2.1%, giảm 0.4% so với thời kì trước. Mặc dù tỉ lệ gia tăng dân số giảm đều qua mỗi năm, nhưng vì qui mô dân số lớn nên hàng năm dân số vẫn tăng trên 1 triệu người. Mặt khác, theo Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em, xu hướng mất cân bằng giới tính khi sinh đang có chiều hướng gia tăng tại Việt Nam. Nhận định này được đúc rút từ kết quả thống kê sinh đẻ ở một số địa phương trong những năm gần đây, đặc biệt là 9 tháng đầu năm 2005 trên cả nước, theo đó số bé trai mới sinh là 289.120, trong khi số bé gái mới sinh là 216.580, tỉ số giới tính là 110.8 trai/100 gái (tỉ lệ tự nhiên lúc mới

sinh là 104 – 106 trai/100 gái). Có nhiều nguyên nhân dẫn tới thực trạng mất cân bằng giới tính, nhưng nguyên nhân chủ yếu vẫn là tư tưởng trọng nam khinh nữ, tâm lí phải có con trai để nối dõi tông đường vẫn đang đeo đuổi các thế hệ trong bối cảnh mỗi gia đình chỉ sinh 1 đến 2 con. Nếu tình trạng mất cân bằng giới tính diễn ra trầm trọng thì sẽ dẫn tới tình trạng thừa nam, thiếu nữ trong xã hội, hệ quả của tình trạng này là gia tăng tội phạm buôn bán phụ nữ...

Tổng tỉ suất sinh qua một số năm

Năm	Số con trung bình/1 phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ
1960	6.1
1985	4.1
1989	3.8
1994	3.1
1998	2.47
2005	2.1

Tổng tỉ suất sinh năm 2005 đã tiệm cận với mức sinh thay thế là 2 con cho một cặp vợ chồng, nhưng xu thế giảm sinh chưa vững chắc, từ năm 2003 trở lại đây việc sinh con thứ ba đang có chiều hướng gia tăng, vùng sâu vùng xa số người sinh con thứ ba trở lên vẫn còn nhiều.

- Chất lượng dân số

+ Tuổi thọ bình quân tăng đều những năm qua: năm 1995 đạt 65.2, năm 1999 đạt 68, năm 2005 đạt 71.3. Tuổi thọ bình quân tăng và hiện đạt mức cao là kết quả của việc tăng GDP/bình quân đầu người, của công tác chăm sóc sức khỏe được cải thiện và thu được thành tựu đáng khích lệ từ giảm tỉ lệ trẻ tử vong từ sơ sinh tới dưới 5 tuổi, thực hiện tốt chương trình tiêm chủng mở rộng cho tất cả trẻ trong độ tuổi, thanh toán bệnh bại liệt, bệnh phong, loại trừ uốn ván trẻ sơ sinh...

+ Tỉ lệ người biết chữ ngày càng tăng, theo thống kê, tỉ lệ người biết chữ từ 10 tuổi trở lên đạt 92%, trong đó ở thành thị là 96%, ở nông thôn là 91% (thời điểm 1999). Số năm đi học bình quân của người dân đạt 7.2 năm (thời điểm năm 2000). Năm 2000 cả nước đã hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học, đến tháng 4/2005 có 26/64 tỉnh thành phố đạt chuẩn quốc gia về phổ cập trung học cơ sở. Tại thời điểm năm 2000, có 7.6% dân số từ 13 tuổi trở lên đạt được một trình độ chuyên môn kĩ thuật nào đó, trong đó: 2.3% là công nhân kĩ thuật hoặc nhân viên nghiệp vụ đã được đào tạo, 2.8% có trình độ trung học chuyên nghiệp, 0.7% có trình độ cao đẳng, 1.7% có trình độ đại học và 0.1% có trình độ trên đại học. Theo Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, năm 1998 tỉ lệ người lao động đã qua đào tạo trong cả nước là 17.8%; theo Ban chỉ đạo điều tra lao động việc làm Trung ương, năm 2005 tỉ lệ lao động đã qua đào tạo trong cả nước là 24%.

+ Thu nhập GDP/bình quân đầu người tính bằng USD theo tỉ giá sức mua tương đương của Việt Nam đã tăng liên tục trong những năm qua: năm 1995 đạt 1.236 USD,

năm 2000 đạt 1.996 USD, năm 2003 đạt khoảng 2.493 USD, năm 2005 ước đạt 2.800 USD.

Theo Báo cáo đề dẫn Hội thảo - Tập huấn về HDI của đề tài KX.05.05 tại thành phố Hồ Chí Minh tháng 10/2002 của GS.VS Phạm Minh Hạc, chủ nhiệm đề tài, chỉ số HDI của Việt Nam đã gia tăng liên tục và nhanh các năm qua, cụ thể là:

Năm	Chỉ số HDI	Xếp thứ hạng
1995	0.539	120
1996	0.540	121
1997	0.557	121
1998	0.560	122
1999	0.664	110
2000	0.671	108
2001	0.682	101
2002	0.688	109

Theo công bố năm 2005 mới đây của UNDP, HDI của Việt Nam đã đạt 0.704. Như vậy, Việt Nam đã đạt và chắc chắn vượt mục tiêu 0.7 – 0.75 do Chính phủ đề ra cho năm 2010 trong Chiến lược phát triển dân số 2001 – 2010.

- Việc làm: Kết quả điều tra lao động – việc làm đến thời điểm 1/7/2000, tỉ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị cả nước là 6.37%, tỉ lệ thời gian được sử dụng ở khu vực nông thôn trong cả nước là 73.86%; lực lượng lao động ở thành thị là 22.56%, ở nông thôn là 77.44%. Theo Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, số lao động tăng bình quân mỗi năm ở Việt Nam trong 10 năm qua (1995 – 2005) là 844.000, tỉ lệ thất nghiệp của lao động ở khu vực thành thị năm 2005 là 5.31%.

2.2. Chính sách dân số của Việt Nam

2.2.1. Chính sách dân số là gì ?

a. Chính sách dân số là văn bản pháp qui phác thảo các chương trình và những hoạt động khác của Nhà nước nhằm thay đổi hoặc sửa đổi các xu hướng dân số hiện hành vì sự tồn tại và phồn vinh của đất nước.

b. Một chính sách dân số có ba đặc điểm chính:

- Chính sách dân số phải do Nhà nước đưa ra dưới dạng tuyên bố về mặt quan điểm, các đạo luật, sắc luật hoặc dưới dạng các chương trình quản lí

- Chính sách dân số phải quán triệt hết các vấn đề dân số

- Chính sách dân số phải đưa ra các mục tiêu và kết quả dự tính để xây dựng các kế hoạch hoạt động và các chính sách hỗ trợ.

c. Có một số nhân tố ảnh hưởng đến chính sách dân số. Trong đó các nhân tố quan trọng nhất là: sinh đẻ, chết và di cư. Đối với các nước đang nhằm vào mục tiêu

giảm sự gia tăng dân số thì nhân tố sinh là mối quan tâm hàng đầu. Trong trường hợp này, vấn đề không chỉ là giảm mức sinh mà còn phải bảo đảm chăm sóc sức khỏe khi sinh tốt hơn.

2.2.2. Chính sách dân số của Việt Nam

Ngay từ đầu những năm 60 của thế kỉ trước, nhận thức được vấn đề dân số, nhà nước Việt Nam đã mở cuộc vận động sinh đẻ có kế hoạch nhằm hạn chế sự gia tăng dân số. Các đại hội Đảng coi chính sách dân số là quốc sách, là chính sách xã hội số một, khẳng định ý nghĩa của việc thực hiện có kết quả chính sách dân số đối với việc hoàn thành các mục tiêu phát triển kinh tế - văn hóa – xã hội của đất nước. Chính sách dân số của nước ta quan tâm đến khía cạnh nhân văn: vì con người, vì chất lượng cuộc sống con người. Các chủ trương và chính sách dân số của Đảng và Nhà nước được thể hiện qua một số văn bản chính sau:

- Quyết định số 216/CP do Thủ tướng Phạm Văn Đồng kí ngày 26/12/1961, có nội dung: “Vì sức khỏe của người mẹ, vì hạnh phúc và sự hòa thuận gia đình, để cho việc nuôi dạy con cái được tốt, việc sinh đẻ của nhân dân cần được hướng dẫn một cách thích hợp”.

-Hội đồng Chính phủ ra Chỉ thị số 265/CP ngày 19/10/1978 về đẩy mạnh cuộc vận động sinh đẻ có kế hoạch. Chỉ thị nhấn mạnh: “Tuyên truyền về sinh đẻ có kế hoạch đồng thời phải tuyên truyền về vệ sinh phụ nữ, vệ sinh thai sản, phòng và chữa bệnh phụ khoa...Phải nói rõ tác hại do sinh đẻ quá nhiều, sinh đẻ dày và sinh đẻ sớm. Đồng thời nêu rõ lợi ích và yêu cầu sinh đẻ có kế hoạch là phụ nữ sinh đẻ vừa phải (2 – 3 con), sinh đẻ thưa (cách nhau 4 – 5 năm), sinh đẻ khi người phụ nữ đã có cơ thể hoàn thiện”

- Ngày 12/8/1981, Hội đồng Bộ trưởng ra Chỉ thị 29/HĐBT yêu cầu các ngành, các cấp: “Phải đẩy mạnh cuộc vận động sinh đẻ có kế hoạch mạnh mẽ và đều khắp trong cả nước với mục tiêu là sinh đẻ ít, sinh đẻ thưa, nam nữ thanh niên đã kết hôn thì chậm sinh con đầu lòng”.

- Ngày 18/10/1988, Hội đồng Bộ trưởng ban hành Quyết định số 162/HĐBT về một số chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình. Điều 3 của Quyết định nêu rõ:

+ Đối với các gia đình ở thành phố, thị xã, khu kinh tế tập trung, các cặp vợ chồng là cán bộ, lực lượng vũ trang, công nhân viên chức: tuổi sinh đẻ của nữ là 22 tuổi trở lên, nam là 24 tuổi trở lên, ở các vùng khác nữ là 19 tuổi trở lên, nam là 21 tuổi trở lên

+ Nếu sinh con thứ hai thì phải sau con thứ nhất từ 3 đến 5 năm. Nếu người phụ nữ sinh con muộn sau 30 tuổi trở lên thì khoảng cách có thể từ 2 đến 3 năm.

- Sang thập niên 90, Đảng và Nhà nước ta rất quan tâm đến vấn đề phát triển dân số, coi phát triển dân số là yếu tố đặc biệt quan trọng tác động đến phát triển kinh tế xã hội.

+ Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ 7 (24 – 27/6/1991) đã xác định: “Thực hiện đồng bộ chiến lược dân số trên ba mặt: qui mô dân số, cơ cấu dân số, sự phân bố dân số; giảm tỉ lệ phát triển dân số mỗi năm khoảng 0.4 – 0.6 phần nghìn...”

+ Nghị quyết Hội nghị lần thứ 4 BCH TW Đảng CSVN khóa 7 ngày 14/1/1993

về chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình đã xác định: “ Sự gia tăng dân số quá nhanh là một trong những nguyên nhân quan trọng cản trở sự phát triển kinh tế - xã hội, gây khó khăn lớn cho việc cải thiện đời sống, hạn chế điều kiện phát triển về mặt trí tuệ, văn hóa và thể lực của giống nòi. Nếu xu hướng này tiếp tục diễn ra thì trong tương lai không xa đất nước ta sẽ đứng trước những khó khăn rất lớn, thậm chí nguy cơ về nhiều mặt” . Nghị quyết đã đề ra các quan điểm cơ bản, mục tiêu và các giải pháp đến năm 2000. Cụ thể là:

+ Mục tiêu tổng quát: Thực hiện gia đình ít con, khỏe mạnh, tạo điều kiện để có cuộc sống ấm no, hạnh phúc.

+ Mục tiêu cụ thể: Mỗi gia đình chỉ có 1 hoặc 2 con, để tới năm 2015 bình quân trong toàn xã hội mỗi gia đình (mỗi cặp vợ chồng) có 2 con, tiến tới ổn định qui mô dân số từ giữa thế kỉ 21. Tập trung mọi nỗ lực nhằm tạo chuyển biến rõ rệt ngay trong thập kỉ 90 này.

- Cụ thể hóa quan điểm về dân số của Đảng, ngày 3/6/1993 Thủ tướng Chính phủ ra Quyết định số 270/TTg phê duyệt “Chiến lược Dân số - kế hoạch hóa gia đình đến năm 2000”.

+ Mục tiêu của Chiến lược Dân số - kế hoạch hóa gia đình giai đoạn 1993 – 2000 là: “Giảm nhanh tỉ lệ sinh con thứ ba trở lên để đến năm 2000 tổng tỉ suất sinh (số con trung bình của một phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ) đạt mức 2.9 con hoặc thấp hơn và qui mô dân số dưới 82 triệu người để đạt mức sinh thay thế vào năm 2015”

- Ngày 17/10/1997, Thủ tướng Chính phủ ra Chỉ thị số 37/TTg về việc: “Đẩy nhanh thực hiện Chiến lược dân số - kế hoạch hóa gia đình đến năm 2000”

- Trong những năm đầu của thế kỉ 21, chính sách dân số của Việt Nam tập trung vào một số vấn đề sau:

+ Mọi liên kết giữa dân số và tăng trưởng kinh tế bền vững và phát triển bền vững;

+ Bình đẳng giới và quyền năng của phụ nữ (năng lực của phụ nữ tham gia vào các quá trình kinh tế - xã hội);

+ Quyền sinh sản và sức khỏe sinh sản với trọng tâm đặt vào sức khỏe sinh sản vị thành niên;

+ Tăng nguồn lực cho các dịch vụ sức khỏe sinh sản (bao gồm cả các dịch vụ kế hoạch gia đình).

- Ngày 22/12/2000, Thủ tướng Chính phủ ra Quyết định số 147/2000/QĐ – TTg Về việc phê duyệt Chiến lược Dân số Việt Nam giai đoạn 2001 – 2010. Chiến lược dân số Việt Nam 2001 – 2010 được xây dựng nhằm phát huy kết quả đã đạt được của Chiến lược dân số - kế hoạch hóa gia đình đến năm 2000. Chiến lược này là một bộ phận của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, là nền tảng quan trọng trong Chiến lược phát triển con người của Đảng và Nhà nước. Chiến lược này cũng nhằm giải quyết những vấn đề dân số gắn với phát triển trên cơ sở những ưu tiên phát triển của đất nước trong thập kỉ đầu của thế kỉ 21 và định hướng của Hội nghị quốc tế về Dân số và phát triển 1994. Thực hiện tốt các mục tiêu của Chiến lược dân số là trực tiếp góp

phần nâng cao chất lượng cuộc sống, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao để phục vụ tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

+ Mục tiêu chiến lược dân số tổng quát giai đoạn 2001 – 2010 là: Thực hiện gia đình ít con, khỏe mạnh, tiến tới ổn định qui mô dân số ở mức hợp lý để có cuộc sống ấm no, hạnh phúc. Nâng cao chất lượng dân số, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa, góp phần vào sự phát triển nhanh và bền vững của đất nước.

+ Các mục tiêu chiến lược dân số cụ thể giai đoạn 2001 - 2010:

Mục tiêu 1: Duy trì vững chắc xu thế giảm sinh để đạt mức sinh thay thế bình quân trong toàn quốc chậm nhất vào năm 2005, vùng sâu, vùng xa và vùng nghèo chậm nhất vào năm 2010 để qui mô dân số và phân bố dân cư phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội vào năm 2010.

Mục tiêu 2: Nâng cao chất lượng dân số về thể chất, trí tuệ và tinh thần. Phần đầu đạt chỉ số phát triển con người (HDI) ở mức trung bình tiên tiến của thế giới vào năm 2010.

+ Để nâng cao trách nhiệm của công dân, nhà nước và xã hội trong công tác dân số; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân; tăng cường, thống nhất quản lý nhà nước về dân số, ngày 9/1/2003 Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã thông qua Pháp lệnh dân số. Chủ tịch nước đã kí lệnh số 01/2003/L-CTN ngày 22/1/2003 công bố Pháp lệnh dân số và Pháp lệnh này có hiệu lực từ ngày 1/5/2003.

+ Ngày 16/9/2003, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 104/2003/NĐ-CP Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Dân số.

- Đặc điểm của chính sách dân số Việt Nam là luôn thể hiện sự cam kết giảm mức sinh mà không dựa vào việc khuyến khích mô hình gia đình một con. Mô hình phổ biến “gia đình hai con” vẫn là mục tiêu cụ thể cho đến năm 2015. Chính sách của chính phủ nhấn mạnh nguyên tắc tự nguyện thực hiện kế hoạch hóa gia đình.

3. Giáo dục dân số trong nhà trường phổ thông

3.1. Mục tiêu giáo dục dân số trong nhà trường phổ thông

3.1.1. Mục tiêu chung của giáo dục dân số

Theo các nhà dân số học, mục tiêu chủ yếu của giáo dục dân số là:

- Thứ nhất, hình thành nhận thức và hiểu biết về:

+ Tình hình dân số trong nước và trên thế giới;

+ Các khái niệm và lí thuyết cơ bản về dân số học;

+ Các quá trình biến đổi dân số;

+ Các yếu tố quyết định sự biến đổi dân số;

+ Quan niệm về chất lượng cuộc sống trong các hoàn cảnh văn hóa, xã hội khác nhau;

+ Mối quan hệ qua lại giữa biến đổi dân số và các khía cạnh của chất lượng cuộc sống ở cấp vi mô và cấp vĩ mô;

+ Sự bùng nổ về tiêu thụ và ảnh hưởng của nó đối với chất lượng cuộc sống của mọi người;

+ Sự sinh sản của con người và phúc lợi của gia đình;

+ Các chính sách, chiến lược, pháp luật về dân số cũng như công tác giáo dục dân số hiện nay.

- Thứ hai, phát triển các năng lực nhận thức, đánh giá được mối quan hệ mật thiết giữa chất lượng cuộc sống với sự biến đổi dân số và sự tiêu thụ các tài nguyên, hiện tại và trong tương lai đối với bản thân, cộng đồng quốc gia và thế giới.

- Thứ ba, xây dựng các thái độ hợp lý, các giá trị và kỹ năng để có những quyết định và hành động có trách nhiệm đối với các vấn đề dân số và việc cải thiện chất lượng cuộc sống.

3.1.2. Mục tiêu giáo dục dân số trong nhà trường phổ thông

a. Mục tiêu giáo dục dân số ở trường tiểu học

- Nâng cao nhận thức của học sinh về các khái niệm cơ bản của dân số học có liên quan tới giáo dục dân số.

- Nâng cao nhận thức của học sinh về gia đình như một thành tố cơ sở của xã hội; loại hình, chức năng và các thành viên khác nhau trong gia đình với sự chú ý đặc biệt tới qui mô và mức sống của gia đình.

- Giúp học sinh nhận thức được dân số như một nhân tố quan trọng có ảnh hưởng tới sự phát triển của cá nhân, gia đình, cộng đồng.

- Giúp cho học sinh nhận thức được vai trò của giới và trách nhiệm của giới, các giá trị và niềm tin về văn hóa xã hội có liên quan tới vấn đề hôn nhân và đời sống gia đình.

- Cung cấp cho học sinh những hiểu biết cơ bản về mối quan hệ giữa dân số và môi trường.

- Nâng cao nhận thức của học sinh về mối quan hệ của qui mô dân số với các vấn đề của chất lượng cuộc sống như sức khỏe, thực phẩm, dinh dưỡng, nhà ở và nghề nghiệp...

b. Mục tiêu giáo dục dân số ở trường trung học cơ sở

- Phát triển sự hiểu biết của học sinh về những khái niệm dân số học, về chính sách dân số quốc gia, tình trạng dân số của đất nước và khu vực, trong đó bao gồm: tuổi dân số, sự sinh sản ở tuổi trưởng thành, những vấn đề có liên quan đến HIV/AIDS, bệnh lây truyền đường tình dục, mối quan hệ của những hiểu biết đó với những biểu hiện khác nhau của chất lượng cuộc sống.

- Phát triển sự hiểu biết của học sinh về mối quan hệ giữa dân số, môi trường và phát triển, giữa dân số và tài nguyên.

- Phát triển những hiểu biết về vai trò, trách nhiệm của giới và những giá trị văn hóa xã hội, những niềm tin (những giá trị đạo đức có liên quan đến cuộc sống gia đình và hôn nhân).

- Phát triển sự hiểu biết của học sinh về quan niệm, nhu cầu và phương pháp kế hoạch hóa gia đình nhằm đạt được qui mô gia đình theo ý muốn.

c. Mục tiêu giáo dục dân số ở trường trung học phổ thông

- Phát triển sự hiểu biết của học sinh những lí thuyết về dân số học, chính sách và các chương trình dân số quốc gia, tình hình dân số trên thế giới, quốc gia bao hàm: tuổi dân số, mối quan hệ của nó với sự phát triển kinh tế xã hội, với môi trường và tài nguyên thiên nhiên.

- Phát triển sự hiểu biết tốt hơn về vai trò và trách nhiệm của giới cũng như những giá trị và niềm tin có liên quan đến dân số, đặc biệt là vấn đề hôn nhân, mang thai, giới của trẻ.

- Phát triển sự hiểu biết sâu hơn về sinh sản, tuổi trưởng thành và những vấn đề liên quan đến AIDS, bệnh lây truyền đường tình dục, các phương pháp và cách thức kế hoạch hóa gia đình, khả năng ứng dụng về các phương pháp đó.

- Phát triển hơn những hiểu biết của học sinh về sử dụng có hiệu quả những kinh nghiệm của những người có tuổi để tránh thai an toàn và sinh con theo khoảng cách hợp lí, có qui mô gia đình nhỏ.

- Phát triển sự hiểu biết về những kĩ năng cần thiết của học sinh để phân tích những vấn đề dân số, xác định các giải pháp thích hợp và có những quyết định phù hợp để giải quyết những vấn đề trên nhằm đóng góp cho việc nâng cao chất lượng của cuộc sống.

- Giúp học sinh có được những kĩ năng, thái độ và hành vi cần thiết để có tác dụng như một tuyên truyền viên trong gia đình về việc kế hoạch hóa gia đình và các chương trình có liên quan.

3.2. Nội dung giáo dục dân số trong nhà trường phổ thông

3.2.1. Nội dung giáo dục dân số

Nội dung giáo dục dân số bao gồm những vấn đề cơ bản:

a. Dân số và chất lượng cuộc sống

- Ảnh hưởng của gia tăng dân số đến mức sống chung của xã hội, của đất nước: các kiến thức cơ sở về dân số học; quan hệ giữa tái sản xuất con người và sản xuất vật chất; dân số với việc khai thác tài nguyên và bảo vệ môi trường.

- Tác động của gia tăng dân số đến việc phát huy nhân tố con người: chất lượng nòi giống và chất lượng con người Việt Nam.

- Gia tăng dân số, vấn đề phân bố dân cư và lao động, việc chuyển cư; vấn đề đô thị hóa.

- Dân số và một số chính sách xã hội: dân số và việc làm; dân số và vấn đề giải phóng phụ nữ; dân số và tuổi già.

- Công tác văn hóa tư tưởng liên quan đến vấn đề dân số: kế hoạch hóa gia đình và phong tục tập quán xã hội.

b. Dân số và chất lượng cuộc sống gia đình

- Qui mô gia đình và chất lượng cuộc sống gia đình.

- Tuổi kết hôn hợp lí.

- Tư cách làm cha mẹ (giáo dục làm cha mẹ). Xây dựng gia đình hạnh phúc (giáo dục đời sống gia đình).

- Giáo dục giới tính: giáo dục giới tính ở từng lứa tuổi; những hành vi văn hóa trong quan hệ nam nữ; các bệnh lây lan qua con đường tình dục.

3.2.2. Nội dung giáo dục dân số trong nhà trường phổ thông Việt Nam

Nội dung giáo dục dân số - sức khỏe sinh sản trong nhà trường phổ thông được xây dựng phù hợp lứa tuổi học sinh ở từng lớp, từng cấp học; bao gồm những nội dung cơ bản sau:

- Mối quan hệ giữa phát triển dân số với các yếu tố khác.

- Qui mô gia đình.

- Di cư và việc đô thị hóa.

- Dinh dưỡng.

- Sinh sản và tránh thai.

- Sự phát triển của trẻ vị thành niên.

- Mang thai trong độ tuổi 13 – 19 và vấn đề nạo hút thai.

- Các vấn đề về giới.

- Các bệnh lây nhiễm qua đường tình dục.

- Sử dụng thuốc bừa bãi.

- Bảo vệ môi trường.

- Các chính sách về dân số và kế hoạch hóa gia đình.

Những nội dung trên được trình bày cụ thể như sau:

a. Nội dung giáo dục dân số:

- Về mặt khoa học: làm cho học sinh hiểu rõ mối quan hệ giữa dân số, môi trường và chất lượng cuộc sống. Nắm vững 3 khái niệm cơ bản và một số khái niệm phụ thuộc:

+ *Dân số*: mật số lượng và chất lượng của dân số; bùng nổ dân số, sức ép dân số, tỉ lệ sinh, tỉ lệ chết, tỉ lệ gia tăng tự nhiên, tỉ lệ gia tăng cơ giới. kết cấu dân số, tháp dân số, phân bố dân cư.

+ *Chất lượng cuộc sống*: các yếu tố tạo nên chất lượng cuộc sống (ăn, mặc, ở, đi lại, học tập, giải trí, sức khỏe. chữa bệnh, dịch vụ xã hội, việc làm...); chất lượng cuộc sống của cá nhân, gia đình và cộng đồng; quan niệm chất lượng cuộc sống theo truyền thống văn hóa xã hội của mỗi dân tộc và theo trình độ phát triển ở từng thời kì.

+ *Môi trường*: môi trường sinh thái, môi trường và tài nguyên thiên nhiên, tài nguyên thiên nhiên và tài nguyên con người, ô nhiễm môi trường, bảo vệ môi trường.

+ Nắm vững 2 mối quan hệ cơ bản: (1) quan hệ dân số và chất lượng cuộc sống; (2) quan hệ giữa dân số - môi trường và chất lượng cuộc sống. Nắm vững các mối quan hệ này sẽ nhận thức được tính tất yếu của việc kế hoạch hóa gia đình, kế hoạch hóa dân số, phân bố lại dân cư, đô thị hóa.

- Về mặt thực tiễn: vận dụng 5 chủ điểm giáo dục dân số trong khu vực vào thực tiễn Việt Nam:

+ Qui mô gia đình và chất lượng cuộc sống: giáo dục cho mỗi công dân tương lai tự giác chấp nhận gia đình qui mô nhỏ: mỗi cặp vợ chồng có một hoặc hai con phù hợp với qui định của Pháp lệnh Dân số.

+ Tuổi kết hôn hợp lí: tuổi kết hôn theo qui định của Luật hôn nhân và gia đình; tuổi kết hôn phù hợp với chính sách dân số.

+ Tư cách và trách nhiệm làm cha mẹ: trang bị cho người học những kiến thức, kĩ năng tối thiểu về sinh đẻ có kế hoạch, bảo vệ và chăm sóc người có thai, chăm sóc và nuôi dạy con từ lúc lọt lòng. Với tuổi kết hôn hợp lí và khoảng cách sinh con hợp lí, nam nữ thanh niên có điều kiện thực hiện nghĩa vụ làm cha mẹ với đầy đủ trách nhiệm.

+ Làm rõ mối quan hệ dân số, môi trường và chất lượng cuộc sống, từ đó nêu bật tính cấp bách của kế hoạch hóa dân số.

+ Định lại những giá trị liên quan đến dân số không còn phù hợp với chính sách và pháp luật Việt Nam về dân số, hôn nhân và gia đình trong giai đoạn hiện nay.

b. Nội dung giáo dục giới tính – sức khỏe sinh sản vị thành niên trong nhà trường phổ thông

Giáo dục dân số hiểu theo nghĩa đầy đủ của nó không chỉ là cung cấp một số tri thức, kĩ năng để nhận biết và phân tích các vấn đề của nhân khẩu học hay vấn đề chính sách kế hoạch hóa gia đình, mà giáo dục dân số phải góp phần quan trọng vào việc hình thành và phát triển nhiều mặt của nhân cách công dân theo mục tiêu: thế hệ trẻ tiếp nhận kết quả giáo dục dân số phải biết làm tốt, làm đẹp, làm khỏe cho bản thân, cho gia đình, cho cộng đồng, cho đất nước.

Chính với ý nghĩa này, giáo dục dân số sẽ bao hàm giáo dục giới tính kết hợp với giáo dục đời sống gia đình và chăm sóc sức khỏe sinh sản.

Giáo dục giới tính (hay giáo dục sức khỏe sinh sản vị thành niên) cho học sinh là hình thành ở họ những tiêu chuẩn đạo đức của hành vi có liên quan đến những lĩnh vực riêng tư, thầm kín của đời sống con người, hình thành những quan hệ đạo đức lành mạnh giữa em trai và em gái, giữa nam và nữ.

Giáo dục giới tính là một bộ phận quan trọng của giáo dục nhân cách con người phát triển toàn diện. Giáo dục giới tính nhằm bồi dưỡng cho thế hệ trẻ những hiểu biết cần thiết về giới và giới tính, hình thành cho họ những phẩm chất giới tính của giới mình, hình thành ở họ thái độ và kĩ năng giao tiếp ứng xử lịch sự, văn minh trong quan hệ giao tiếp với người khác giới trong hoạt động và đời sống xã hội. Giáo dục giới tính tập trung vào khía cạnh giới tính của cá nhân, giúp cho thế hệ trẻ có thái độ, có hiểu biết và có suy nghĩ đúng đắn, lành mạnh về giới tính.

Giáo dục giới tính trong nhà trường phổ thông phải giúp cho học sinh có những

hiều biết cần thiết, ứng xử đúng đắn phù hợp với lứa tuổi đối với một số vấn đề cơ bản sau:

- Giới tính và sự khác biệt nam nữ, bình đẳng giới.
- Những biến đổi cơ thể qua các lứa tuổi.
- Những biến đổi tâm sinh lí ở tuổi dậy thì.
- Cấu tạo và chức năng của cơ quan sinh dục nam và nữ.
- Hiện tượng kinh nguyệt.
- Sự thụ thai và phát triển của thai.
- Sức khỏe vị thành niên (sức khỏe vị thành niên; - Các bệnh lây truyền qua quan tình dục và HIV/AIDS).
- Kế hoạch hóa gia đình, sức khỏe sinh sản, sức khỏe sinh sản vị thành niên.
- Quyền của trẻ em và quyền của vị thành niên.
- Lòng nhân ái – tình người.
- Tình bạn.
- Tình yêu.
- Hôn nhân và sự lựa chọn bạn đời.
- Gia đình.
- Các mối quan hệ trong gia đình.
- Trách nhiệm làm cha mẹ.
- Bổn phận làm con.
- Có thai ở tuổi vị thành niên và hậu quả xấu của nó.
- Chăm sóc bà mẹ và trẻ sơ sinh.
- Luật hôn nhân và gia đình; Pháp lệnh Dân số ...

3.3. Phương thức tổ chức giáo dục dân số trong nhà trường phổ thông

3.3.1. Giáo dục dân số thông qua các môn học trên lớp

a. Kinh nghiệm của nhiều nước và qua thử nghiệm ở Việt Nam, giáo dục dân số ở trường phổ thông không nhất thiết phải xây dựng thành một môn học riêng biệt, mà có thể tích hợp, lồng ghép vào các môn học đã có trong chương trình.

- Tích hợp là:
 - + Cấu trúc chương trình các môn học thay đổi phù hợp với việc đưa giáo dục dân số vào chương trình.
 - + Nội dung giáo dục dân số trở thành một bộ phận kiến thức không thể thiếu được.
- Lồng ghép là:
 - + Chương trình môn học không thay đổi.
 - + Chỉ bổ sung các ví dụ, các tư liệu có liên quan đến nội dung giáo dục dân số.

b. Nội dung giáo dục dân số ở trường phổ thông được tích hợp, lồng ghép vào một số môn học:

- Ở trường tiểu học, nội dung giáo dục dân số được tích hợp, lồng ghép vào một số môn học: đạo đức, tự nhiên và xã hội (lớp 1, 2, 3), khoa học – địa lí (lớp 4, 5).

- Trung học cơ sở, trung học phổ thông, nội dung giáo dục dân số được tích hợp, lồng ghép vào một số môn học: giáo dục công dân, sinh học, địa lí, ngữ văn.

3.3.2. Giáo dục dân số thông qua các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp

Trong nhà trường phổ thông, bên cạnh việc giáo dục dân số được tích hợp, lồng ghép vào một số môn học trên lớp, giáo dục dân số thông qua các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp được thực hiện vào các thời điểm thích hợp trong năm học cũng là một kênh giáo dục dân số có hiệu quả. Ví dụ như:

- Tổ chức hoạt động ngoại khóa bộ môn sinh học, địa lí...có nội dung giáo dục dân số, giới tính.

- Tổ chức và duy trì sinh hoạt câu lạc bộ bạn gái, câu lạc bộ bạn trai.

- Tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp có nội dung giáo dục dân số, giới, giới tính nhân các dịp trong năm học: tuần lễ dân số từ 20/10 đến 20/11, ngày 1/12 (ngày thế giới phòng chống AIDS), ngày 26/12 (ngày dân số Việt Nam), ngày 14/2 (ngày lễ tình yêu đối với học sinh trung học phổ thông, trung học cơ sở), ngày 8/3...



1. Xác định “địa chỉ” bài học có nội dung tích hợp hoặc có thể lồng ghép nội dung giáo dục dân số, giáo dục giới tính của môn đạo đức đối với trường tiểu học, của môn giáo dục công dân đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông

2. Xác định “địa chỉ” bài học có nội dung tích hợp hoặc có thể lồng ghép nội dung giáo dục dân số, giáo dục giới tính của môn tìm hiểu tự nhiên xã hội đối với trường tiểu học, của môn sinh học đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông

3. Xác định “địa chỉ” bài học có nội dung tích hợp hoặc có thể lồng ghép nội dung giáo dục dân số, giáo dục giới tính của môn khoa học và môn địa lí đối với trường tiểu học, của môn địa lí đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông

4. Xác định nội dung và hình thức hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp theo chủ đề: dân số vào tuần lễ dân số 20/10 đến 20/11 và ngày 26/12 cho đơn vị công tác.

5. Xác định nội dung và hình thức hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp theo chủ đề: giới – giới tính cho các ngày 1/12, 14/2, 8/3 cho đơn vị công tác.

6. Đối với trường THPT, hãy giải quyết tình huống sau, câu chuyện xảy ra trong Hội trại Xuân do trường THPT X, thành phố H tổ chức nhân dịp xuân về. Câu chuyện đã được đưa lên báo T với tiêu đề “Có một đêm xuân như thế...”

Đêm ấy đã có không ít thầy cô giáo của trường phải ...”khủng hoảng” khi chứng kiến cảnh mấy nam sinh, nữ sinh lớp 12 hồn nhiên, tinh nghịch đang ngòì lọt thỏm

trong lòng nhau ngay giữa sân trường mùa xuân, trong buổi hội trại của trường. Cô giáo chủ nhiệm đã được những thầy cô chứng kiến đề nghị ...nhắc nhở học trò của mình. Thế nhưng, chưa kịp nhắc nhở thì cơn khủng hoảng đã chuyển thành “trận”... rúng động khi các thầy cô “thanh tra” các lễ trại phát hiện ra “một cảnh động trời”. “Trời ơi”, một cô giáo còn thảng thốt khi kể lại cho chúng tôi nghe cảnh tượng “kinh khủng” mà cô đã nhìn thấy đầu tiên trong đời dạy học của mình: một nhóm nam sinh, nữ sinh trong lớp đang trùm chung chăn và “hôn nhiên”... ngủ (!)

- Là nhà giáo dục, Anh/Chị hãy đưa ra phương án giải quyết tình huống này. Tại sao Anh/Chị lại chọn phương án đó ?

- Qua tình huống này, Anh/Chị có suy nghĩ gì về việc giáo dục giới tính của nhà trường X. Hãy liên hệ với thực tế giáo dục giới tính ở đơn vị công tác.

III. HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC PHÒNG CHỐNG MA TÚY TRONG NHÀ TRƯỜNG PHỔ THÔNG

1. Khái quát về giáo dục phòng chống ma túy trong trường phổ thông

1.1. Giáo dục phòng chống ma túy là gì ?

Giáo dục phòng chống tệ nạn ma túy là một nội dung giáo dục được thực hiện ở các nhà trường nói chung và nhà trường phổ thông nói riêng trong thời kì đất nước mở cửa hội nhập và phát triển. Giáo dục phòng chống tệ nạn ma túy nhằm giáo dục cho học sinh có những hiểu biết về tệ nạn ma túy, giáo dục kĩ năng sống để học sinh biết cách giữ mình không bị ảnh hưởng của tệ nạn ma túy và tham gia đấu tranh với tệ nạn này ở trong nhà trường và ngoài xã hội.

1.2. Tại sao cần phải tổ chức hoạt động giáo dục phòng chống ma túy trong nhà trường phổ thông ?

- Trên thế giới, nạn buôn bán, vận chuyển, tàng trữ và sử dụng ma túy đang là “con lóc” dữ dội trên khắp thế giới, đã và đang là hiểm họa của nhiều nước trên thế giới. Theo số liệu mới nhất của chương trình kiểm soát ma túy Liên hiệp quốc (UNDCP), hiện nay trên thế giới có khoảng 218.2 triệu người đang thường xuyên sử dụng ma túy bất hợp pháp. Buôn bán ma túy là lĩnh vực kinh doanh có lời nhất, chỉ đứng sau buôn bán vũ khí; do đó, các hoạt động phòng chống các tổ chức buôn bán, vận chuyển, tiêu thụ ma túy là công việc vô cùng khó khăn, tốn kém, thậm chí cả đổ máu. Ma túy thật sự là mối đe dọa an ninh, trật tự của cộng đồng nhân loại toàn thế giới. Hợp tác quốc tế trở thành mặt trận chung, là nhu cầu bức xúc của các quốc gia trên thế giới để chống tệ nạn ma túy. Từ ngày 8 đến ngày 10/6/1998, tại New York (Mỹ) đã diễn ra kì họp đặc biệt lần thứ 20 Đại Hội đồng Liên hiệp quốc về chống ma túy, nhằm hình thành chiến lược xóa bỏ hoàn toàn tệ nạn ma túy.

- Hiện nay, tình trạng nghiện ma túy và các tội phạm liên quan đến ma túy ở nước ta diễn biến rất phức tạp, đã và đang trở thành hiểm họa lớn cho toàn xã hội. Tệ nạn ma túy thật sự đã trở thành nỗi lo lắng của mỗi gia đình, là nguy cơ đe dọa sự phát triển bền vững của đất nước và của dân tộc ta.

Theo thống kê của cơ quan công an, số người nghiện ma túy có hồ sơ quản lí một số năm như sau:

Năm	Số người nghiện có hồ sơ quản lý
1998	97.034
1999	104.547
2000	101.306
2001	113.903
2002	142.001
2003	160.700
2005	158.000

(Nguồn: Tạp chí Phòng chống ma túy – Số 7/2000, trang 2; số 4/2004, trang 3; Báo Tuổi trẻ ngày 16/3/2006)

+ Cuối năm 2004, cả nước có 5.093/11.000 xã, phường không có ma túy, chiếm tỉ lệ 48.7% tổng số xã phường của cả nước, tỉ lệ này cũng gần bằng so với năm 2000 (nguồn: tạp chí Phòng chống ma túy số 3/2005, trang 13). Hàng năm, khoảng 2.000 tỉ đồng được hơn 10 vạn người nghiện ma túy ở Việt Nam dùng để mua và sử dụng các chất ma túy, đó là con số do Ủy Ban Quốc gia phòng chống AIDS và phòng chống tệ nạn ma túy mại dâm đưa ra ngày 20/11/2000. Cũng theo thống kê thì hiện cả nước có trên 70.000 người nhiễm HIV/AIDS (tính đến đầu năm 2004), trong đó có tới trên 60% số người nhiễm bệnh qua tiêm chích ma túy; 40% các vụ trọng án do người nghiện ma túy gây ra và 85.5% người nghiện ma túy có tiền án, tiền sự.

+ Đặc biệt nghiêm trọng, ma túy đã lan vào học đường trên qui mô cả nước, đã có một bộ phận học sinh, sinh viên và cả giáo chức là nạn nhân của tệ nạn ma túy. Trong thời gian qua, công tác giáo dục phòng chống ma túy trong các nhà trường đã được đẩy mạnh, bước đầu số học sinh, sinh viên và giáo viên nghiện ma túy và liên quan đến ma túy đã giảm nhưng chưa có cơ sở vững chắc và đảm bảo sự ổn định, bền vững. Bằng chứng là một số địa phương năm 2005 có số học sinh, sinh viên và giáo viên nghiện ma túy tăng trở lại như Sơn La, Nghệ An (nguồn: tạp chí Phòng chống ma túy số 10/2005, trang 3)

Số học sinh, sinh viên và giáo viên nghiện ma túy và liên quan đến tệ nạn ma túy bị phát hiện những năm qua:

Năm	Số người liên quan đến tệ nạn ma túy bị phát hiện
1997	2700
1998	2468
1999	2221
2000	1533
2003	979 (trong đó: 503 học sinh, 177 sinh viên, 299 giáo viên)
2005	1234 (riêng Sơn La có 333 học sinh, sinh viên và giáo viên)

(Nguồn: Báo cáo Vụ công tác chính trị Bộ GD & ĐT tháng 6/2001, Báo Thanh niên ngày 10/1/2004, Báo Người lao động điện tử ngày 17/11/2005)

- Tệ nạn ma túy không chỉ hủy hoại sức khỏe, đời sống vật chất và tinh thần của bản thân người nghiện, mà còn gây tác hại nghiêm trọng đến nhiều mặt trong đời sống kinh tế - văn hóa - xã hội của mỗi cộng đồng dân cư, mỗi quốc gia và toàn thế giới. Vì vậy, cần phải tổ chức các hoạt động phòng chống tệ nạn ma túy ở các địa phương, nhất là trong các nhà trường để thực hiện mục tiêu của “Kế hoạch tổng thể phòng chống ma túy đến năm 2010”: “*Nâng cao nhận thức của mọi người trong toàn xã hội về ma túy, tệ nạn ma túy và công tác phòng chống ma túy; ngăn chặn, đẩy lùi tệ nạn ma túy để đến năm 2015 cơ bản thanh toán được tệ nạn ma túy trong cả nước, góp phần phát triển xã hội lành mạnh, đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; đồng thời tích cực tham gia vào cuộc đấu tranh phòng, chống ma túy trong khu vực và trên thế giới*”.

1.3. Vị trí của giáo dục phòng chống ma túy trong nhà trường phổ thông

Giáo dục phòng chống ma túy ở nhà trường phổ thông là một trong các hoạt động giáo dục có vị trí quan trọng trong quá trình giáo dục hình thành và phát triển toàn diện nhân cách thế hệ trẻ giai đoạn hiện nay.

Với đặc điểm tâm lí cùng với sự thiếu kinh nghiệm sống của tuổi mới lớn, học sinh đang là “con mồi” tấn công của tệ nạn ma túy, họ rất dễ bị lôi cuốn vào tệ nghiện hút, buôn bán ma túy. Vì vậy, nhà trường phổ thông có nhiệm vụ kết hợp với gia đình và xã hội tổ chức các hoạt động giáo dục có nội dung phòng chống ma túy nhằm “miễn dịch” cho học sinh trước tệ nạn ma túy, để các em trở thành những con người sống có bản lĩnh, luôn nói không với các tệ nạn xã hội nói chung và đặc biệt là tệ nạn ma túy.

1.4. Vai trò của giáo dục phòng chống ma túy trong nhà trường phổ thông

- Giáo dục phòng chống ma túy trong nhà trường phổ thông có tác dụng nâng cao sức đề kháng của học sinh trước một tệ nạn xã hội đang phát triển, hình thành ở họ một tâm thế đúng đắn trước những vấn đề liên quan tới tệ nạn ma túy.

- Tổ chức giáo dục phòng chống ma túy trong nhà trường phổ thông có hiệu quả sẽ góp phần tích cực vào việc thực hiện mục tiêu chung *xã hội không có ma túy*.

2. Mục tiêu, nội dung giáo dục phòng chống ma túy trong nhà trường phổ thông

2.1. Mục tiêu giáo dục phòng chống ma túy trong nhà trường phổ thông

2.1.1. Giáo dục về tri thức:

- Học sinh có hiểu biết cần thiết về các chất ma túy.
- Học sinh hiểu rõ tính chất nguy hại của tệ nạn ma túy đối với bản thân, gia đình, nòi giống, cộng đồng xã hội và đất nước.
- Học sinh hiểu được hiện trạng về tệ nạn ma túy ở địa phương, trong nước và trên thế giới.
- Học sinh hiểu được những thủ đoạn lôi kéo, rủ rê các em vào con đường nghiện hút ma túy.
- Học sinh hiểu và nắm vững luật pháp Việt Nam đối với các tội phạm về ma túy

- Từ đó, mỗi học sinh cần hiểu và biết cách phòng chống tệ nạn ma túy với đầy đủ trách nhiệm của mình.

2.1.2. Giáo dục về mặt thái độ:

- Hình thành ở học sinh lối sống tích cực, lành mạnh; có thái độ không đồng tình, phản đối lối sống buông thả, tệ nạn hút hít, tiêm chích ma túy đang tồn tại và có chiều hướng gia tăng trong thanh thiếu niên.

- Hình thành ở học sinh thái độ kiên quyết chống lại những hành vi rủ rê, lôi kéo các em vào tệ nạn ma túy; có thái độ đúng đắn đối với người nghiện ma túy.

2.1.3. Giáo dục về kỹ năng, hành vi:

+ Học sinh biết giữ mình, không bị cám dỗ, lôi kéo vào tình trạng nghiện; không hút thuốc lá, uống rượu bia, không hút hít, tiêm chích ma túy.

+ Thực hiện tốt các qui định của nhà trường, của nhà nước về phòng chống tệ nạn ma túy. Tích cực giúp đỡ chính quyền địa phương phát giác, ngăn chặn những hành vi buôn bán ma túy.

2.2. Nội dung giáo dục phòng chống ma túy trong nhà trường phổ thông

Tùy theo đối tượng học sinh mà nội dung giáo dục phòng chống ma túy được ngành giáo dục và các nhà trường xây dựng cho phù hợp. Sau đây là những nội dung cơ bản về giáo dục phòng chống ma túy trong nhà trường phổ thông:

2.2.1. Những kiến thức cơ bản về ma túy

- Ma túy là gì ?
- Nghiện ma túy là gì ?
- Đặc điểm của ma túy.
- Phân loại ma túy.

2.2.2. Những kiến thức về hiện tượng nghiện ma túy

- Tác hại của việc nghiện ma túy:
 - + Tác hại đối với cá nhân người nghiện.
 - + Tác hại đối với gia đình người nghiện.
 - + Tác hại đối với trật tự an toàn xã hội.
- Nguyên nhân của nạn nghiện ma túy.
 - + Nguyên nhân chủ quan về phía người nghiện.
 - + Nguyên nhân khách quan.
- + Những đối tượng học sinh nào có nguy cơ dễ bị nghiện ma túy ?
- Nhận biết người nghiện ma túy.
 - + Những dấu hiệu nhận biết người nghiện ma túy.
 - + Những dấu hiệu nhận biết học sinh sử dụng, nghiện ma túy.
- Cai nghiện ma túy.

2.2.3. Luật pháp Việt Nam đối với tội phạm ma túy

- Hiến pháp nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- Bộ Luật hình sự.
- Luật phòng chống ma túy.

2.2.4. Giáo dục hình thành ở học sinh thái độ và hành vi cần có trước những vấn đề liên quan đến ma túy, xây dựng lối sống lành mạnh

Cung cấp kiến thức về phòng chống ma túy là cần thiết nhưng chưa đủ để xây dựng thái độ và kỹ năng tự bảo vệ cho bản thân khỏi bị lôi cuốn vào tệ nạn ma túy. Vì vậy, các nhà trường cần phải áp dụng cách tiếp cận giáo dục kỹ năng sống vào giáo dục phòng chống ma túy để giúp học sinh không chỉ hiểu biết mà có đủ khả năng tự bảo vệ mình và tích cực tham gia hoạt động phòng chống ma túy trong nhà trường và ngoài cộng đồng xã hội. Nhà trường cần trang bị cho học sinh một số kỹ năng cơ bản:

- Hình thành kỹ năng giao tiếp - tự nhận thức (tự nhận thức và tự đánh giá, lắng nghe tích cực, giao tiếp bằng lời và không bằng lời, sự cảm thông...).
- Hình thành kỹ năng xác định giá trị (chính kiến, thái độ, niềm tin, lòng tự trọng, tình bạn...).
- Hình thành kỹ năng ra quyết định (suy nghĩ sáng tạo, suy nghĩ có phê phán cách giải quyết vấn đề...).
- Hình thành kỹ năng kiên định (từ chối một cách cương quyết, biết đánh giá đúng mình và người khác, kiên quyết theo đuổi mục tiêu đã đặt ra...).
- Hình thành kỹ năng đặt mục tiêu (xác định mục tiêu ngắn hạn, trung hạn, dài hạn, các bước đặt mục tiêu).



1. Anh/Chị hãy liệt kê những tác hại của việc nghiện ma túy đối với cá nhân, với gia đình người nghiện, đối với xã hội

2. Anh/Chị hãy liệt kê những đối tượng học sinh có nguy cơ bị lôi kéo, rủ rê vào tệ nạn nghiện hút ma túy; giải thích lí do tại sao ?

3. Anh/Chị hãy liệt kê những dấu hiệu nhận biết người nghiện ma túy; làm thế nào để phát hiện sớm học sinh sử dụng chất gây nghiện ?

4. Anh/Chị hãy liệt kê các phương pháp giáo dục nhằm hình thành kỹ năng sống cho học sinh mà bản thân đã từng sử dụng hoặc đồng nghiệp đã sử dụng. Liệt kê những phương pháp mà Anh/Chị biết nhưng chưa vận dụng vào thực tiễn giáo dục của mình.

2.3. Phương thức tổ chức giáo dục phòng chống ma túy trong nhà trường phổ thông

Nội dung giáo dục phòng chống ma túy trong nhà trường là kiến thức khoa học liên bộ môn, vì vậy, việc tổ chức giáo dục phòng chống ma túy trong nhà trường phổ thông được thực hiện theo phương thức sau:

2.3.1. Giáo dục phòng chống ma túy được tích hợp, lồng ghép vào một số môn học trên lớp

Thông qua việc tích hợp, lồng ghép nội dung giáo dục phòng chống ma túy vào một số môn học trên lớp để giúp cho học sinh có những hiểu biết về các vấn đề liên quan đến ma túy, tệ nạn ma túy. Một số môn học có tích hợp, lồng ghép nội dung giáo dục phòng chống ma túy ở trường phổ thông là:

- Các môn: Đạo đức, Tự nhiên và Xã hội (lớp 1, 2, 3), Khoa học (lớp 4, 5) ở trường tiểu học.

- Các môn: Giáo dục công dân, Sinh học, Hóa học, Kỹ thuật ở trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông.

2.3.2. Giáo dục phòng chống ma túy thông qua các hoạt động ngoài giờ lên lớp

Hình thức giáo dục trên lớp với các nội dung tích hợp, lồng ghép trong chương trình một số môn học có liên quan nhằm trang bị kiến thức về ma túy, xây dựng thái độ và hành vi ứng xử phù hợp với lứa tuổi học sinh trong các nhà trường. Các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp một mặt củng cố, mở rộng, khắc sâu những hiểu biết đã có trên lớp; mặt khác, quan trọng hơn là tạo ra sân chơi lành mạnh, cuốn hút các em vào các hoạt động bổ ích, tạo môi trường hình thành kỹ năng sống để các em phát triển lành mạnh, không bị rủ rê lôi kéo vào tệ nạn xã hội, đặc biệt là tệ nạn ma túy.

Các hoạt động có thể là:

- Tổ chức báo cáo, ngoại khóa bộ môn về chủ đề phòng chống ma túy.

- Thi tìm hiểu về phòng chống AIDS, phòng chống tệ nạn xã hội và tệ nạn ma túy dưới các hình thức: bài viết dự thi của cá nhân, hùng biện, kính vạn hoa, tiếp sức đồng đội...

- Thi vẽ tranh với chủ đề phòng chống ma túy.

- Tổ chức truyền thông phòng chống ma túy, các tệ nạn xã hội, cao điểm vào các ngày 26/6 và ngày 1/12 hàng năm.

- Tổ chức các hoạt động thể dục thể thao, văn nghệ, các hoạt động xã hội, các hình thức sinh hoạt câu lạc bộ... nhằm thu hút sự tham gia đông đảo của học sinh vào các hoạt động lành mạnh, bổ ích.

- Lập hộp thư “Vì tương lai bè bạn” để học sinh phát hiện cho nhà trường biết những bạn có biểu hiện sử dụng chất gây nghiện...



1. Xác định “địa chỉ” bài học, xác định nội dung giáo dục phòng chống ma túy có thể lồng ghép, tích hợp vào những bài đó trong chương trình môn Tự nhiên và Xã hội, môn Khoa học ở trường tiểu học; môn Sinh học ở trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông.

2. Xác định “địa chỉ” bài học, xác định nội dung giáo dục phòng chống ma túy có thể lồng ghép, tích hợp vào những bài đó trong chương trình môn đạo đức ở trường tiểu học; môn Giáo dục công dân ở trường trung học cơ sở, trường trung học phổ

thông.

3. Xây dựng nội dung và hình thức hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp có chủ đề phòng chống ma túy ngày 1/12 ở đơn vị công tác.

4. Xác định những khó khăn, bất cập trong giáo dục phòng chống ma túy ở đơn vị công tác. Phân tích nguyên nhân, từ đó nêu phương hướng khắc phục để hoạt động giáo dục này được thực hiện có hiệu quả ?

5. Xây dựng một tình huống giáo dục có chủ đề giáo dục phòng chống ma túy, nêu phương thức sử dụng tình huống này vào giáo dục phòng chống ma túy ở đơn vị công tác.



Tóm tắt

1. Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp là một trong hai bộ phận cấu thành quá trình sư phạm trong trường phổ thông hiện nay, nó có vị trí và vai trò rất quan trọng trong việc hình thành và phát triển nhân cách học sinh theo mục tiêu giáo dục toàn diện của cấp học.

- Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp sẽ đạt hiệu quả cao nếu các nhà giáo dục:

+ Xác định được mục tiêu, yêu cầu giáo dục phù hợp với đối tượng giáo dục, với điều kiện cụ thể của lớp học, của nhà trường và của địa phương.

+ Chuẩn bị tốt cho hoạt động.

+ Tổ chức, tiến hành hoạt động tốt.

+ Đánh giá kết quả hoạt động và rút kinh nghiệm.

+ Tuân thủ các nguyên tắc tổ chức hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp trong suốt quá trình từ khâu chuẩn bị cho tới đánh giá rút kinh nghiệm.

2. Giáo dục dân số cho thanh thiếu niên có ý nghĩa rất quan trọng trong việc hình thành và phát triển toàn diện nhân cách công dân cho thế hệ trẻ; mặt khác, giáo dục dân số cho thanh thiếu niên là con đường thực hiện chính sách dân số quốc gia một cách bền vững.

- Mục tiêu tổng thể của chính sách dân số là khuyến khích các gia đình chấp nhận thực hiện quy mô gia đình ít con để đảm bảo một cuộc sống hạnh phúc cho cả gia đình, tiến tới nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

3. Giáo dục phòng chống ma túy trong nhà trường phổ thông là một trong những nội dung giáo dục quan trọng nhằm góp phần giáo dục thế hệ trẻ trở thành những chủ nhân tương lai của đất nước - những con người khỏe mạnh về thể chất, phát triển về trí lực và có kỹ năng sống để luôn đứng vững trước những rủi ro cám dỗ của các tệ nạn xã hội, đặc biệt là tệ nạn ma túy.

4. Giáo dục dân số, giáo dục phòng chống ma túy trong nhà trường phổ thông sẽ đạt hiệu quả cao nếu:

+ Đội ngũ cán bộ giáo viên hiểu được trách nhiệm của họ trong giáo dục dân số, giáo dục phòng chống ma túy cho học sinh.

+ Nhà trường tổ chức tốt việc khai thác nội dung giáo dục dân số, giáo dục giới/giới tính và giáo dục phòng chống ma túy trong một số môn học trên lớp.

+ Nhà trường tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp có nội dung giáo dục dân số, giáo dục giới – giới tính, phòng chống ma túy với những hình thức đa dạng, phong phú, phù hợp với lứa tuổi học sinh vào những dịp thích hợp của năm học.

B. HIỆU TRƯỞNG QUẢN LÝ CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC NGOÀI GIỜ LÊN LỚP, DÂN SỐ, PHÒNG CHỐNG MA TÚY TRONG NHÀ TRƯỜNG PHỔ THÔNG

Hiệu trưởng quản lý các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, dân số, phòng chống ma túy trong nhà trường phổ thông là hệ thống các tác động có mục đích của hiệu trưởng tới giáo viên, học sinh, cán bộ công nhân viên nhằm tổ chức các hoạt động giáo dục đạt được mục tiêu và kế hoạch giáo dục của nhà trường.

Nội dung hiệu trưởng quản lý các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, dân số, phòng chống ma túy trong nhà trường phổ thông (sau đây gọi tắt là các hoạt động giáo dục) được trình bày theo cách tiếp cận các chức năng quản lý. Sau đây là nội dung cụ thể:

I. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

Xây dựng kế hoạch là điểm khởi đầu cho một chu trình quản lý khoa học mà người quản lý nào cũng phải thực hiện. Hiệu trưởng quản lý các hoạt động giáo dục cũng phải bắt đầu từ việc xây dựng kế hoạch.

- Đầu mỗi năm học, hiệu trưởng chỉ đạo các bộ phận trong nhà trường xây dựng kế hoạch công tác, trong kế hoạch đó có nội dung giáo dục ngoài giờ lên lớp, giáo dục dân số, giáo dục phòng chống ma túy; đặc biệt là kế hoạch của Ban chỉ đạo các hoạt động giáo dục, kế hoạch của tổ nhóm chuyên môn, tổ chủ nhiệm, kế hoạch của giáo viên chủ nhiệm lớp, kế hoạch của các tổ chức Đoàn, Đội, Công đoàn.

- Ban chỉ đạo các hoạt động giáo dục nhà trường xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục (kế hoạch năm, tháng, tuần) thống nhất với kế hoạch chung của nhà trường, với kế hoạch của các bộ phận (để tránh tổ chức các hoạt động chồng chéo trong cùng một thời điểm, đồng thời có sự hỗ trợ và phối hợp tổ chức hoạt động của các bộ phận có liên quan). Hiệu trưởng đưa kế hoạch này vào kế hoạch hoạt động chung hàng tháng, hàng tuần của nhà trường để toàn trường cùng thực hiện. Kế hoạch này được toàn thể Hội đồng giáo dục thông qua vào đầu mỗi năm học.

1. Xác định mục tiêu quản lý các hoạt động giáo dục

1.1. Căn cứ để xác định mục tiêu

- Mục tiêu phát triển toàn diện nhân cách học sinh được xác định tại điều 27 Luật Giáo dục sửa đổi năm 2005.

- Những nhiệm vụ cấp thiết của sự nghiệp giáo dục, của đất nước, của địa phương trong từng giai đoạn cụ thể. Những nhiệm vụ đó được thể hiện trong các văn bản, chỉ thị của cơ quan quản lý giáo dục các cấp hướng dẫn nhà trường thực hiện. Đặc biệt là nhiệm vụ năm học, chủ đề năm học do Bộ, Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn

ngay từ đầu năm học; các văn bản hướng dẫn công tác phòng chống tệ nạn ma túy, công tác giáo dục dân số - kế hoạch hóa gia đình của ngành và của địa phương...

- Tình hình cụ thể của địa phương về kinh tế xã hội, về phát triển dân số, về tệ nạn xã hội, tệ nạn ma túy....

- Tình hình cụ thể của nhà trường:

+ Kết quả các hoạt động giáo dục của năm học trước.

+ Đội ngũ cán bộ giáo viên (số lượng, chất lượng, đặc biệt là khả năng tổ chức các hoạt động tập thể cho học sinh).

+ Cơ sở vật chất, trang thiết bị, thư viện và tài chính.

+ Công tác xã hội hóa của nhà trường.

1.2. Định hướng mục tiêu quản lý các hoạt động giáo dục

- Mục tiêu của các hoạt động giáo dục trên cơ sở mục tiêu chung (đã được xác định trong các phần đã trình bày ở trên) và được trình bày dưới dạng các chỉ tiêu cụ thể, như:

+ Mục tiêu giáo dục ngoài giờ lên lớp: thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện trong nhà trường, ví dụ như: 100% học sinh được tham gia các hoạt động văn, thể, mỹ, lao động, các sinh hoạt tập thể theo chủ đề do trường, lớp, đoàn, đội tổ chức; trường tham gia vào những hoạt động văn nghệ, thể thao của ngành ở địa phương và có giải...

+ Mục tiêu chung nhất của hoạt động giáo dục phòng chống ma túy là: nhà trường không có ma túy. Các chỉ tiêu cụ thể như: 100% học sinh nhận thức được tác hại của nghiện ma túy đối với bản thân, gia đình và cộng đồng; 100% học sinh không hút thuốc, uống rượu bia....

+ Mục tiêu giáo dục dân số: 100% học sinh hiểu được chính sách dân số của nhà nước Việt Nam, được tham gia các hoạt động giáo dục giới tính-sức khỏe sinh sản vị thành niên phù hợp với lứa tuổi...; không có cán bộ giáo viên nhà trường sinh con thứ ba.

- Mục tiêu xã hội: nhà trường là một bộ phận của cộng đồng xã hội, vì vậy một mặt xã hội có trách nhiệm đóng góp cho việc thực hiện nhiệm vụ và sự phát triển của nhà trường; mặt khác, nhà trường phải phát huy vai trò là trung tâm văn hóa khoa học tại cộng đồng thông qua việc tổ chức đưa thầy – trò tham gia vào các hoạt động của cộng đồng địa phương trên cơ sở chức năng nhiệm vụ của trường.

- Mục tiêu điều kiện: bên cạnh việc xác định các mục tiêu giáo dục và mục tiêu xã hội, người hiệu trưởng còn phải xác định các mục tiêu điều kiện nhằm đảm bảo các điều kiện để thực hiện được kế hoạch đã vạch ra. Các mục tiêu điều kiện đó là:

+ Xây dựng đội ngũ cán bộ, giáo viên nhà trường có nhận thức đúng về các hoạt động giáo dục và có khả năng tham gia tổ chức các hoạt động giáo dục trong nhà trường.

+ Phối hợp các lực lượng giáo dục ngoài nhà trường để hỗ trợ nhà trường tổ chức và quản lý các hoạt động giáo dục.

+ Cơ sở vật chất: phân đầu đảm bảo đủ các điều kiện về sân bãi, phòng lớp, trang

thiết bị kỹ thuật, sách báo và tài liệu tham khảo, tái chính phục vụ cho các hoạt động giáo dục.

Từ những căn cứ và định hướng trên, hiệu trưởng nhà trường thực hiện kỹ thuật phân tích SWOT để xác định mục tiêu các hoạt động giáo dục phù hợp với điều kiện cụ thể của trường, trên cơ sở đó xây dựng kế hoạch các hoạt động giáo dục của nhà trường cho một năm học.

2. Xây dựng kế hoạch

2.1. Yêu cầu đối với việc xây dựng kế hoạch các hoạt động giáo dục:

- Đối với hoạt động giáo dục dân số, giáo dục phòng chống ma túy: đây là các hoạt động giáo dục được thực hiện thông qua việc tích hợp – lồng ghép vào một số môn học trên lớp và thông qua các hoạt động ngoài giờ lên lớp; vì vậy, kế hoạch hoạt động của các hoạt động giáo dục này cũng được tích hợp vào kế hoạch của các tổ nhóm bộ môn và tích hợp vào kế hoạch hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp.

- Đối với kế hoạch hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp:

+ Kế hoạch phải được xây dựng phù hợp với điều kiện cụ thể của từng trường, đáp ứng nhiệm vụ giáo dục trọng tâm của từng năm học và nhiệm vụ chính trị của địa phương.

+ Phải có kế hoạch, lịch hoạt động cho toàn trường, cho từng khối lớp, cho từng thời kì tiến tới ổn định thành nề nếp.

+ Có kế hoạch hoạt động đều đặn, cân đối từ đầu năm cho đến cuối năm học và trong hè.

+ Có lịch hoạt động hàng ngày, hàng tuần.

+ Kế hoạch hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp phải được xây dựng trên cơ sở kế hoạch năm học chung của nhà trường, trong sự phối hợp với kế hoạch của các bộ phận khác trong nhà trường như kế hoạch dạy – học, kế hoạch hoạt động ngoại khóa bộ môn, kế hoạch xây dựng cơ sở vật chất...

2.2. Xây dựng lịch hoạt động thành nề nếp theo thời gian

2.2.1. Hoạt động hàng ngày:

- Ở lớp:

+ Trực nhật: vệ sinh trường lớp, chăm sóc cây hoa

+ Sinh hoạt 15 phút đầu giờ: truy bài, đọc báo Đoàn, Đội, văn nghệ...

+ Bình nhật thi đua cuối buổi học, cuối ngày học.

- Toàn trường:

+ Thể dục giữa giờ, múa hát tập thể

+ Bản tin hàng ngày

+ Hoạt động của đội Sao đỏ, Cờ đỏ để duy trì nề nếp, kỉ luật nhà trường.

2.2.2. Hoạt động hàng tuần:

- Ở lớp:

+ Hoạt động ngoài giờ lên lớp theo chương trình

+ Sinh hoạt lớp, sinh hoạt chi đội, chi đoàn: phát động thi đua, sơ kết hàng tuần, phổ biến công việc, trao đổi thảo luận những vấn đề học sinh lớp quan tâm, văn nghệ, trò chơi, ...

- Ở trường:

+ Sinh hoạt dưới cờ: chào cờ đầu tuần, câu chuyện dưới cờ theo chủ điểm giáo dục, giao lưu khách mời, thời sự, thi đua, văn nghệ, trò chơi...

+ Phát thanh học đường theo các chủ đề: phòng chống ma túy, an toàn giao thông, bảo vệ môi trường, người tốt, việc tốt, văn nghệ...

+ Sinh hoạt câu lạc bộ: câu lạc bộ những nhà văn trẻ, câu lạc bộ những nhà toán học trẻ tuổi, câu lạc bộ cờ vua, cờ tướng, câu lạc bộ điền kinh, câu lạc bộ bóng đá, câu lạc bộ những ca sĩ nhí....

2.2.3. Hoạt động hàng tháng

- Tổ chức sinh hoạt theo chủ điểm.

- Tổ chức ngày hội truyền thống.

- Công tác xã hội: lao động công ích, hoạt động từ thiện xã hội, hoạt động về nguồn...

- Tổ chức các hoạt động tuyên truyền các sự kiện chính trị lớn trong cả nước như tuyên truyền về Đại hội Đảng các cấp, tuyên truyền ngày bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp...

- Biểu diễn văn nghệ, thi đấu thể thao, thi khéo tay, thi vẽ tranh theo chủ đề...

- Tổ chức cắm trại, tham quan dã ngoại theo chủ đề, du lịch...

- Sinh hoạt câu lạc bộ giáo dục giới tính: câu lạc bộ bạn gái, câu lạc bộ bạn trai.

2.2.4. Học kì: sơ kết, tổng kết thi đua, khen thưởng, văn nghệ...

Việc xây dựng lịch hoạt động thành nếp theo thời gian thực chất là đưa kế hoạch năm học vào cuộc sống nhà trường, tạo ra sự ổn định tương đối của hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp. Trên đây là những hoạt động diễn ra hàng ngày, tuần, tháng, học kì ở các nhà trường. Vấn đề đặt ra là, các nhà trường phải tìm ra những hình thức hoạt động hấp dẫn, phù hợp với lứa tuổi và điều kiện cụ thể của mình để chuyển tải những nội dung giáo dục khá quen thuộc thì mới có thể thu hút sự hào hứng tham gia của đông đảo học sinh, khi đó hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp mới đạt chất lượng giáo dục cao.

2.3. Kế hoạch năm học các hoạt động giáo dục của nhà trường có thể trình bày như sau:

a. Tình hình nhà trường, địa phương, chỉ đạo của các cấp quản lí.

b. Mục tiêu quản lý các hoạt động giáo dục:

- Mục tiêu chung

- Các mục tiêu cụ thể: chỉ tiêu về chất lượng các hoạt động giáo dục; mục tiêu xã hội, mục tiêu điều kiện

c. Các biện pháp lớn để thực hiện mục tiêu:

- Xây dựng chương trình hoạt động giáo dục

- Xây dựng đội ngũ giáo viên có nhận thức và có năng lực tổ chức các hoạt động giáo dục, đặc biệt là đội ngũ giáo viên chủ nhiệm lớp, giáo viên bộ môn dạy tích hợp và lồng ghép kiến thức giáo dục phòng chống ma túy – giáo dục dân số, giáo viên là cán bộ đoàn – đội.

- Phối hợp các lực lượng giáo dục ngoài xã hội.

- Xây dựng cơ sở vật chất trường lớp, sách báo tham khảo, tài chính đáp ứng yêu cầu các hoạt động giáo dục.

* Chương trình các hoạt động giáo dục năm học có thể trình bày như sau:

Thời gian	Chủ điểm	Nội dung và hình thức hoạt động	Mục đích yêu cầu	Phân công thực hiện	Điều kiện thực hiện
Tháng 9					
Tháng 10					
....					
Tháng 6, 7, 8					

Việc xây dựng kế hoạch hoạt động cả năm sẽ giúp hiệu trưởng có cái nhìn bao quát về các hoạt động giáo dục diễn ra trong một năm học, từ đó có sự phân phối nguồn lực một cách hợp lý cho các hoạt động giáo dục, các bộ phận và các cá nhân chủ động trong việc chuẩn bị cho các hoạt động đã dự kiến ngay từ đầu năm học.

Mặt khác, kế hoạch năm học của các hoạt động giáo dục sẽ đảm bảo tính ổn định tương đối, tính hệ thống và tính hướng đích của các hoạt động, loại trừ sự lộn xộn, tùy tiện trong tổ chức hoạt động, nhất là những hoạt động có qui mô toàn trường.

II. HIỆU TRƯỞNG TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

1. Tổ chức hoặc củng cố Ban chỉ đạo các hoạt động giáo dục nhà trường

Thực tế hiện nay, trong nhiều nhà trường phổ thông có tổ chức các Ban như: Ban phòng chống ma túy, Ban văn thể mỹ, Ban giáo dục chính trị tư tưởng, Ban lao động hướng nghiệp..., các Ban này hoạt động nhiều khi không phối hợp chặt chẽ với nhau làm giảm chất lượng quản lý nhà trường. Để nâng cao chất lượng quản lý các hoạt động giáo dục, trước tiên, các nhà trường cần phải tổ chức hoặc củng cố lại Ban chỉ đạo các hoạt động giáo dục. Ban chỉ đạo các hoạt động giáo dục được tổ chức và hoạt động theo thông tư số 32 của Bộ Giáo dục và TW Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh

ki ngày 15/10/1988: “*Mỗi trường thành lập ban chỉ đạo (hay điều hành) các hoạt động ngoài giờ lên lớp dưới sự chủ trì của Hiệu trưởng (hay Phó hiệu trưởng) với sự tham gia của Bí thư Đoàn trường (hay Tổng phụ trách Đội với trường phổ thông cơ sở), ở xã nên có Chủ tịch Hội đồng Đội cùng tham gia) và một số giáo viên bộ môn, giáo viên chủ nhiệm phụ trách các hoạt động*”. Theo thông tư 32, nhiệm vụ cơ bản của Ban chỉ đạo là giúp Hiệu trưởng quản lý các hoạt động giáo dục , cụ thể là:

“*Ban chỉ đạo có nhiệm vụ:*

- *Giúp Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch chương trình hoạt động hàng năm và chỉ đạo thực hiện kế hoạch chương trình đó.*

- *Tổ chức những hoạt động lớn, qui mô trường và thực hiện sự phối hợp chặt chẽ với tổ chức Đoàn, Đội và các lực lượng giáo dục khác ngoài nhà trường trong các hoạt động.*

- *Tổ chức hướng dẫn giáo viên chủ nhiệm lớp và các cán bộ Đoàn, Đội, lớp tiến hành các hoạt động ở đơn vị mình đạt hiệu quả.*

- *Giúp Hiệu trưởng kiểm tra, đánh giá chất lượng, hiệu quả giáo dục của hoạt động”.*

Trên cơ sở thông tư 32....., kết hợp với thực tiễn giáo dục hiện nay, các nhà trường nên tổ chức hoặc củng cố Ban chỉ đạo theo hướng:

- Thành phần của Ban chỉ đạo gồm:

+ Trưởng Ban: Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng

+ Các thành viên: Bí thư Chi bộ, Bí thư Đoàn trường, Tổng phụ trách Đội, Bí thư Chi đoàn giáo viên, khối trưởng chủ nhiệm, tổ trưởng tổ bộ môn, đại diện Ban chấp hành Công đoàn, Chủ tịch Hội chữ thập đỏ cơ sở, đại diện Hội cha mẹ học sinh trường, một số giáo viên có năng lực tổ chức hoạt động tập thể.

- Để Ban chỉ đạo hoạt động có hiệu quả, các thành viên hoạt động đều tay, hiệu trưởng nên lập các tiểu ban, mỗi tiểu ban chịu trách nhiệm tổ chức chỉ đạo một mảng hoạt động giáo dục, có thể tổ chức các tiểu ban như:

+ Tiểu ban chính trị, chịu trách nhiệm tổ chức các hoạt động giáo dục truyền thống, giáo dục chính trị tư tưởng, thời sự...

+ Tiểu ban khoa học, chịu trách nhiệm tổ chức các hoạt động ngoại khóa bộ môn, câu lạc bộ bộ môn, thực hành khoa học, tìm hiểu khoa học...

+ Tiểu ban văn thể, chịu trách nhiệm tổ chức các hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao...

+ Tiểu ban dã ngoại, chịu trách nhiệm tổ chức các hoạt động tham quan, du lịch, cắm trại, giao lưu với các tổ chức bên ngoài nhà trường...

+ Tiểu ban giáo dục dân số, chịu trách nhiệm tổ chức các hoạt động giáo dục môi trường, dân số, giới tính, sức khỏe sinh sản vị thành niên

+ Tiểu ban giáo dục phòng chống ma túy, chịu trách nhiệm các hoạt động giáo dục phòng chống tệ nạn ma túy

+ Tiểu ban công tác xã hội, chịu trách nhiệm tổ chức các hoạt động hoạt động xã hội, lao động công ích, từ thiện xã hội ...

Trên đây là mô hình tổ chức Ban chỉ đạo mang tính gợi ý, thực tiễn nhà trường rất đa dạng, vì vậy số lượng thành viên của Ban chỉ đạo, số lượng các tiểu ban là bao nhiêu còn tùy thuộc vào qui mô và điều kiện cụ thể của từng nhà trường.

- Sau khi thành lập hoặc củng cố Ban chỉ đạo, điều hết sức quan trọng là hiệu trưởng phải xây dựng được:

+ Nhiệm vụ, trách nhiệm và quyền hạn của từng tiểu ban trong việc tổ chức các hoạt động giáo dục

+ Nhiệm vụ, trách nhiệm và quyền hạn của mỗi thành viên trong ban chỉ đạo

+ Qui định lề lối hoạt động của Ban chỉ đạo

- Thực hiện việc phân công công việc cho từng thành viên trong Ban chỉ đạo, sao cho phát huy được năng lực của họ và không để xảy ra tình trạng người làm không hết việc, người thì có mặt cho đủ thành phần.

2. Tổ chức các lực lượng giáo dục bên trong nhà trường

Các lực lượng giáo dục trong nhà trường giữ vai trò quyết định chất lượng giáo dục của nhà trường, vì vậy, hiệu trưởng cần phải quan tâm tổ chức, động viên lực lượng này tích cực tham gia tổ chức các hoạt động giáo dục học sinh. Cụ thể là:

2.1. Với lực lượng giáo viên chủ nhiệm lớp: hiệu trưởng xây dựng qui định về nhiệm vụ, trách nhiệm và quyền hạn của giáo viên chủ nhiệm lớp trong tổ chức các hoạt động giáo dục học sinh lớp chủ nhiệm. Ví dụ như:

- Giáo viên chủ nhiệm có nhiệm vụ nắm đối tượng học sinh lớp chủ nhiệm về hoàn cảnh gia đình, đặc điểm tính cách, khả năng và thiên hướng của mỗi em để có thể đưa các em vào các hoạt động phù hợp và phát triển được khả năng tiềm ẩn của họ.

- Giáo viên chủ nhiệm lớp có nhiệm vụ huấn luyện, bồi dưỡng cho đội ngũ học sinh cốt cán của lớp, của chi đội, chi đoàn các kỹ năng tổ chức hoạt động tập thể, giúp các em từng bước hình thành kỹ năng tự quản trong hoạt động tập thể.

- Giáo viên chủ nhiệm lớp có trách nhiệm phối hợp với giáo viên bộ môn của lớp, với Tổng phụ trách Đội, với Bí thư Đoàn trường, với chi hội cha mẹ học sinh lớp để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh lớp chủ nhiệm....

2.2. Lực lượng giáo viên bộ môn: căn cứ vào nhiệm vụ của giáo viên được qui định trong điều lệ trường tiểu học, trường trung học, Hiệu trưởng xây dựng qui định nhiệm vụ, trách nhiệm, quyền hạn của giáo viên bộ môn trong việc tham gia tổ chức các hoạt động giáo dục. Ví dụ như:

- Giáo viên các bộ môn có lòng ghép, tích hợp nội dung giáo dục dân số, nội dung giáo dục phòng chống ma túy có trách nhiệm khai thác có hiệu quả những nội dung này trong quá trình thực hiện bài dạy trên lớp

- Giáo viên bộ môn, bên cạnh nhiệm vụ giảng dạy còn có nhiệm vụ tham gia tổ chức các hoạt động giáo dục theo sự phân công của tổ bộ môn, chỉ những giáo viên

thực hiện hai nhiệm vụ **giảng dạy** và **giáo dục** thì mới được tham gia bình xét các danh hiệu thi đua cuối kì, cuối năm.

2.3. Qui định nhiệm vụ của tổ chủ nhiệm, tổ bộ môn trong đó có nhiệm vụ tổ chức các hoạt động giáo dục, ví dụ như:

- Tổ chủ nhiệm có nhiệm vụ: (1) xây dựng nội dung và gợi ý hình thức hoạt động cho tiết sinh hoạt tập thể cuối tuần của giáo viên chủ nhiệm từng khối lớp nhằm sử dụng có hiệu quả tiết học này vào giáo dục học sinh; (2) xây dựng mức độ nội dung và hình thức hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp phù hợp với học sinh từng khối lớp...

- Tổ bộ môn có nhiệm vụ: (1) các môn học có tích hợp, lồng ghép nội dung giáo dục dân số, phòng chống ma túy: tổ bộ môn có nhiệm vụ khai thác có hiệu quả các nội dung này trong quá trình thực hiện chương trình môn học; (2) mỗi tổ bộ môn tổ chức một chủ đề giáo dục phù hợp với đặc thù bộ môn cho học sinh toàn trường trong năm học; (3) thành lập câu lạc bộ ngoại khóa bộ môn và duy trì hoạt động của câu lạc bộ trong suốt năm học...

2.4. Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Đội thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh

Tổ chức Đoàn, Đội trong nhà trường phổ thông mà đại diện là Bí thư Đoàn trường, Bí thư chi đoàn giáo viên, Tổng phụ trách Đội giữ vai trò quan trọng trong tổ chức hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp. Vì vậy, hiệu trưởng cần:

- Lựa chọn những giáo viên trẻ, có năng lực tổ chức hoạt động tập thể và đặc biệt phải có tâm huyết với nhiệm vụ được giao, đề cử họ vào các vị trí Bí thư Đoàn trường, Tổng phụ trách Đội, Bí thư Chi đoàn giáo viên và họ sẽ là những thủ lĩnh các phong trào hoạt động trong nhà trường.

- Có kế hoạch cử cán bộ Đoàn, Đội là giáo viên, là học sinh cốt cán tham gia các lớp tập huấn kỹ năng hoạt động đoàn, đội cho tổ chức đoàn, đội ở địa phương tổ chức.

- Xây dựng chế độ bồi dưỡng, khen thưởng đối với cống hiến và thành tích hoạt động của Bí thư đoàn trường, Tổng phụ trách Đội.

- Qui định lề lối làm việc giữa Hiệu trưởng với Bí thư Đoàn trường, Tổng phụ trách Đội; giữa giáo viên chủ nhiệm lớp với Bí thư Đoàn trường, Tổng phụ trách Đội trong tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp.

3. Phối hợp với các lực lượng ngoài xã hội

Các hoạt động giáo dục với đặc thù đa dạng, phong phú về nội dung và hình thức hoạt động, đòi hỏi phải có nguồn lực rất lớn cho việc tổ chức nó. Nhưng với sự hạn hẹp về năng lực tổ chức hoạt động của đội ngũ, về cơ sở vật chất và tài chính của các nhà trường phổ thông hiện nay, nhà trường rất cần sự hỗ trợ từ các lực lượng ngoài xã hội để có đủ các nguồn lực tổ chức các hoạt động giáo dục đạt chất lượng. Vì vậy, Hiệu trưởng phải làm tốt công tác phối hợp với các lực lượng ngoài xã hội để hỗ trợ tổ chức các hoạt động giáo dục. Dưới đây là một số nội dung gợi ý hiệu trưởng tổ chức phối hợp:

- Xác định các lực lượng ngoài xã hội mà nhà trường sẽ phối hợp là những tổ chức, cá nhân nào ?

- Xác định nội dung định phối hợp với từng tổ chức, cá nhân đã được xác định ở trên
- Xây dựng cơ chế phối hợp phù hợp với đặc thù của từng lực lượng
- Phân công cán bộ nhà trường chịu trách nhiệm giữ mối liên hệ thường xuyên với các lực lượng này

III. HIỆU TRƯỞNG CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

1. Hiệu trưởng chỉ đạo Ban chỉ đạo hoạt động giáo dục

- Trước hết, Hiệu trưởng chỉ đạo họp giao ban hàng tháng của Ban chỉ đạo, những nội dung giao ban cơ bản có thể là:

- + Tổng kết, rút kinh nghiệm việc tổ chức các hoạt động giáo dục của tháng trước
- + Đề nghị khen thưởng những cá nhân, tập thể có thành tích trong các hoạt động giáo dục; đề nghị phê bình, nhắc nhở những cá nhân, tập thể chưa hoàn thành nhiệm vụ
- + Xây dựng chủ đề, kế hoạch hoạt động trong tháng tới
- + Phân công trách nhiệm cụ thể cho các tiểu ban phụ trách triển khai kế hoạch tháng

- Sau khi được Hiệu trưởng thông qua và đưa vào kế hoạch tháng của trường, nội dung họp giao ban sẽ được Trường Ban chỉ đạo phổ biến trong cuộc họp toàn nhà trường vào đầu tháng để triển khai thực hiện

- Hiệu trưởng chỉ đạo cho Ban chỉ đạo tổ chức tuyên truyền cho đội ngũ cán bộ giáo viên nhà trường vào dịp học tập nhiệm vụ năm học, cho cha mẹ học sinh vào dịp họp Hội nghị cha mẹ đầu năm để làm cho các đối tượng nhận thức đúng đắn về vai trò, nhiệm vụ của các hoạt động giáo dục đối với sự hình thành và phát triển nhân cách học sinh, từ đó họ tự giác tham gia tổ chức hoạt động giáo dục và hỗ trợ nhà trường tổ chức hoạt động.

- Hiệu trưởng chỉ đạo cho Ban chỉ đạo tổ chức huấn luyện kỹ năng tổ chức hoạt động tập thể cho học sinh cốt cán các lớp, giáo viên chủ nhiệm

- Thành lập Phòng tư vấn học đường, nhiệm vụ của Phòng tư vấn là:

+ Giúp học sinh biết cách giải quyết những vướng mắc trong quan hệ với bạn bè, với thầy cô, với cha mẹ; giúp học sinh có khó khăn trong học tập; giải đáp những thắc mắc của học sinh về lĩnh vực tâm sinh lý tuổi vị thành niên...

+ Giúp cha mẹ học sinh giải quyết những vướng mắc trong giáo dục con em họ...

2. Hiệu trưởng chỉ đạo hoạt động của tổ, khối chủ nhiệm

Giáo viên chủ nhiệm giữ vai trò chính trong tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh lớp chủ nhiệm, nên hoạt động của tổ, khối chủ nhiệm có ảnh hưởng rất lớn tới chất lượng hoạt động giáo dục của nhà trường. Hiệu trưởng chỉ đạo hoạt động của tổ khối chủ nhiệm thực hiện nhiệm vụ đã được xây dựng, ví dụ như:

- Chỉ đạo tổ, khối chủ nhiệm tăng cường sinh hoạt (có thể qui định số lần họp trong tháng, thời gian mỗi lần họp), nội dung sinh hoạt có thể là:

+ Trên cơ sở kế hoạch triển khai chủ đề hàng tháng của toàn trường, từng khối trao đổi thống nhất mức độ nội dung, hình thức hoạt động nhằm làm cho hoạt động giáo dục phù hợp tâm sinh lí lứa tuổi, đáp ứng nhu cầu nguyện vọng của học sinh. Làm cơ sở để giáo viên chủ nhiệm tổ chức các hoạt động giáo dục phù hợp với học sinh khối lớp chủ nhiệm.

+ Căn cứ vào kế hoạch chủ nhiệm tháng, các khối chủ nhiệm xây dựng nội dung và hình thức hoạt động cho tiết sinh hoạt tập thể (hay còn gọi là tiết sinh hoạt lớp cuối tuần) theo hướng phát huy tính sáng tạo và tích cực hoạt động của học sinh. Những nội dung này làm cơ sở để giáo viên chủ nhiệm tổ chức các hoạt động tập thể lành mạnh, bổ ích cho học sinh, sử dụng có hiệu quả tiết sinh hoạt tập thể; tránh tình trạng phổ biến hiện nay, tiết sinh hoạt lớp cuối tuần là tiết “hành hạ” cả thầy lẫn trò. Dưới đây là gợi ý về nội dung hoạt động các tiết sinh hoạt tập thể trong một tháng:

- Tuần 1: phát động thi đua tháng, sinh hoạt văn nghệ/trò chơi
- Tuần 2: sinh hoạt chủ đề của tháng, sinh hoạt những vấn đề học sinh đang quan tâm, hoặc những vấn đề của lớp
- Tuần 3: sinh hoạt Đoàn, Đội
- Tuần 4: tổng kết thi đua tháng, thảo luận về chủ đề tháng tới

Trong mỗi tiết sinh hoạt lớp, giáo viên chủ nhiệm dành khoảng 10 phút để nhắc nhở cả lớp, phổ biến nhanh những việc cần làm, sau đó lớp sẽ sinh hoạt chung theo nội dung của từng tuần.

+ Với các cấp học có bố trí tiết hoạt động ngoài giờ lên lớp trong chương trình chính khóa, sinh hoạt tổ khối chủ nhiệm phải trao đổi nội dung và hình thức các tiết hoạt động phù hợp với điều kiện cụ thể của nhà trường, giúp giáo viên chủ nhiệm lớp tổ chức tiết học này đạt yêu cầu học sinh là chủ thể hoạt động.

- Mỗi học kì, Hiệu trưởng chỉ đạo các tổ, khối chủ nhiệm tổ chức hoạt động mẫu trong khối, trong toàn trường để các giáo viên học tập kinh nghiệm, qua đó bồi dưỡng kĩ năng tổ chức hoạt động tập thể cho giáo viên chủ nhiệm và học sinh cốt cán các lớp.

- Chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm lớp thực hiện tốt nhiệm vụ tổ chức các hoạt động giáo dục học sinh lớp chủ nhiệm, cụ thể là:

- + Xây dựng kế hoạch chủ nhiệm lớp: kế hoạch năm, tháng, tuần.
- + Xây dựng và bồi dưỡng năng lực tự quản cho đội ngũ cán bộ cốt cán của lớp, của Chi đội, Chi đoàn và của cả lớp.
- + Tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp theo kế hoạch chung của nhà trường theo nguyên tắc tự quản, phát huy sáng kiến và năng lực sở trường của học sinh.
- + Tổ chức mạng lưới Sao đỏ, Cờ đỏ trong lớp để kịp thời phát hiện những biểu hiện vô kỉ luật, lười học hoặc những biểu hiện bất thường của bạn cùng lớp cho giáo viên chủ nhiệm.

+ Động viên khen thưởng kịp thời những học sinh tích cực tham gia các hoạt động tập thể, những học sinh giỏi, học sinh có tiến bộ trong học tập và rèn luyện; nhắc nhở, phê bình, cảnh cáo những học sinh lười học, vô kỉ luật và có những biện pháp giáo dục kịp thời với những học sinh này.

+ Thường xuyên liên hệ chặt chẽ với cha mẹ học sinh bằng nhiều hình thức, kịp thời phản ánh những biểu hiện lười học, trốn học ... cũng như những tiến bộ của học sinh với cha mẹ của các em để phối hợp giáo dục. Mặt khác, định kì hàng tháng giáo viên chủ nhiệm thông báo cho cha mẹ học sinh và ban đại diện chi hội cha mẹ học sinh lớp nắm được kế hoạch hoạt động giáo dục của lớp, trường để theo dõi con em mình và hỗ trợ giáo viên chủ nhiệm trong tổ chức các hoạt động giáo dục.

+ Phối hợp chặt chẽ với Đoàn – Đội, giám thị và giáo viên bộ môn để nắm vững tình hình học tập, kỉ luật của lớp và tổ chức các hoạt động giáo dục...

3. Hiệu trưởng chỉ đạo các tổ bộ môn tham gia tổ chức các hoạt động giáo dục

Nội dung và hình thức các hoạt động giáo dục rất phong phú và đa dạng, đòi hỏi phải có sự tham gia của toàn bộ các lực lượng giáo dục trong nhà trường, đặc biệt là sự tham gia của các tổ bộ môn có vai trò quyết định trong việc thực hiện nội dung, đảm bảo tính đa dạng của hình thức hoạt động. Vì vậy, Hiệu trưởng cần tăng cường chỉ đạo các tổ bộ môn tham gia tổ chức các hoạt động giáo dục phù hợp với đặc thù của mỗi bộ môn.

3.1. Hiệu trưởng chỉ đạo các tổ bộ môn tham gia tổ chức hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp

- Trên cơ sở kế hoạch giáo dục đã được tập thể cán bộ giáo viên thông qua, đầu năm học Hiệu trưởng phân công trách nhiệm cho các tổ bộ môn, mỗi tổ bộ môn có trách nhiệm phải tổ chức một chủ đề hoạt động ngoài giờ lên lớp trong năm học phù hợp với đặc thù của bộ môn. Trong kế hoạch của tổ, từng tổ bộ môn phải xây dựng kế hoạch tổ chức một chủ đề hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp cho toàn trường, kế hoạch này phải thống nhất với kế hoạch giáo dục năm học của trường để tránh sự tổ chức chồng chéo các hoạt động trong cùng một thời điểm. Ví dụ: tổ Văn phụ trách chủ đề giáo dục văn hóa nghệ thuật; tổ Sử phụ trách chủ đề giáo dục truyền thống, về nguồn; tổ Địa phụ trách chủ đề giáo dục dân số, giáo dục môi trường; tổ Sinh phụ trách chủ đề giáo dục giới tính – sức khỏe sinh sản vị thành niên; tổ Giáo dục công dân phụ trách chủ đề về giáo dục phòng chống ma túy....

- Hiệu trưởng chỉ đạo các tổ bộ môn thành lập các câu lạc bộ bộ môn, xây dựng mục tiêu, nội dung và lịch hoạt động của các câu lạc bộ, phân công giáo viên phụ trách để duy trì hoạt động của câu lạc bộ trong suốt năm học.

3.2. Hiệu trưởng chỉ đạo tổ nhóm bộ môn thực hiện tích hợp hoặc lồng ghép nội dung giáo dục dân số - phòng chống ma túy qua một số môn học

Giáo dục dân số - giáo dục phòng chống ma túy được lồng ghép, tích hợp qua một số môn học trên lớp, vì vậy, Hiệu trưởng phải chỉ đạo các tổ bộ môn tích hợp và lồng ghép các nội dung giáo dục dân số - giáo dục phòng chống ma túy qua giảng dạy

các bộ môn này. Để giúp cho giáo viên bộ môn thực hiện tốt việc tích hợp hoặc lồng ghép các nội dung giáo dục dân số - phòng chống ma túy, Hiệu trưởng cần chỉ đạo các tổ bộ môn một số nội dung sau:

- Ngay từ đầu năm học, các tổ nhóm bộ môn xác định “địa chỉ” những bài học có nội dung tích hợp hoặc lồng ghép nội dung giáo dục dân số - phòng chống ma túy. Trong sinh hoạt tổ nhóm bộ môn thường kì, tổ chức trao đổi và thống nhất nội dung giáo dục dân số - phòng chống ma túy sẽ khai thác cũng như phương pháp giảng dạy những nội dung này ở từng bài đã được xác định “địa chỉ”

- Đưa nội dung kiến thức về giáo dục dân số - phòng chống ma túy đã được tích hợp lồng ghép vào bài là một đơn vị kiến thức khi đánh giá giờ dạy của giáo viên bộ môn

- Có kế hoạch kiểm tra việc giảng dạy lồng ghép tích hợp các nội dung giáo dục dân số - phòng chống ma túy của giáo viên bộ môn, kế hoạch này phải thống nhất với kế hoạch kiểm tra chuyên môn của nhà trường

- Tổ chức giờ dạy mẫu việc lồng ghép hoặc tích hợp các nội dung giáo dục dân số - phòng chống ma túy của các bộ môn để giáo viên trao đổi, rút kinh nghiệm trong giảng dạy những nội dung này

- Các tổ nhóm bộ môn tổ chức các hoạt động ngoại khóa bộ môn có nội dung giáo dục dân số - phòng chống ma túy phù hợp với đặc thù bộ môn

- Giáo viên bộ môn phải phản ánh với giáo viên chủ nhiệm lớp những hiện tượng bất thường của học sinh trong giờ học để giáo viên chủ nhiệm theo dõi và có hướng giáo dục kịp thời

4. Hiệu trưởng chỉ đạo các bộ phận khác trong nhà trường tham gia giáo dục học sinh

4.1. Chỉ đạo bộ phận giám thị, bảo vệ

Bộ phận giám thị, bảo vệ nhà trường là lực lượng duy trì kỉ cương nề nếp học sinh, góp phần giáo dục học sinh nhà trường, vì vậy, Hiệu trưởng chỉ đạo bộ phận này tham gia công tác giáo dục học sinh ngoài giờ lên lớp, cụ thể là:

- Quản lí chặt chẽ nề nếp kỉ luật, chuyên cần của học sinh theo nội qui nhà trường

- Quản lí đội Cờ đỏ theo dõi nề nếp kỉ luật các lớp học, sớm phát hiện những đối tượng nghi vấn

- Không cho các đối tượng ngoài xã hội vào nhà trường trong giờ học, không cho học sinh ra khỏi trường trong giờ ra chơi

- Theo dõi những học sinh có biểu hiện nghi vấn trong giờ ra chơi để có thể phát hiện và ngăn chặn kịp thời những hiện tượng tiêu cực như đánh nhau, hút thuốc lá, sử dụng các chất gây nghiện nặng như ma túy hoặc xem phim sex trên điện thoại di động...

4.2. Chỉ đạo bộ phận thư viện tạo điều kiện về tư liệu tham khảo cho việc tổ chức các hoạt động giáo dục

- Sách báo, tài liệu là điều kiện không thể thiếu giúp cho nhà trường có tư liệu

tham khảo để xây dựng nội dung và hình thức hoạt động giáo dục đa dạng và phong phú. Hiệu trưởng chỉ đạo bộ phận thư viện xây dựng tủ sách, báo tham khảo theo chủ đề giáo dục như:

- + Chủ đề giáo dục tư tưởng chính trị, giáo dục truyền thống.
- + Chủ đề giáo dục pháp luật.
- + Chủ đề giáo dục dân số - sức khỏe sinh sản vị thành niên.
- + Chủ đề giáo dục môi trường.
- + Chủ đề giáo dục phòng chống ma túy.
- + Chủ đề hướng nghiệp.
- + Chủ đề tìm hiểu khoa học.

- Chỉ đạo bộ phận thư viện làm tốt công tác bạn đọc, giới thiệu sách báo cho học sinh; phối hợp với Đoàn – Đội tổ chức các cuộc thi tìm hiểu theo chủ đề cho học sinh các khối lớp.

4.3. Hiệu trưởng chỉ đạo bộ phận thiết bị, đồ dùng dạy học xây dựng bộ đồ dùng dạy học, trang thiết bị phục vụ cho giáo dục dân số, phòng chống ma túy, tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp

5. Hiệu trưởng phối hợp với các đoàn thể trong nhà trường

5.1. Hiệu trưởng phối hợp với tổ chức Đoàn – Đội tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp

Tổ chức Đoàn – Đội trong nhà trường giữ vai trò nòng cốt trong việc tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp cho học sinh nhà trường, vì vậy, Hiệu trưởng phối hợp với Bí thư Đoàn trường (người đại diện cho Đoàn thanh niên), với Tổng phụ trách Đội (người đại diện cho Đội thiếu niên) để tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp. Những nội dung phối hợp cụ thể như:

- Liên kết chương trình, kế hoạch hoạt động của Đoàn – Đội với kế hoạch nhà trường

- Quy định lề lối làm việc giữa Hiệu trưởng với Bí thư Đoàn trường, với Tổng phụ trách Đội; giữa giáo viên chủ nhiệm với với Bí thư Đoàn, với Tổng phụ trách Đội trong việc tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp

- Phân công trách nhiệm rõ ràng trong tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp; tổ chức Đoàn, Đội sẽ chịu trách nhiệm thực hiện một số đầu việc, có thể là:

- + Tổ chức phát thanh hàng tuần, bản tin hàng tuần theo các chủ đề
- + Tổ chức các hoạt động Đoàn – Đội trong nhà trường
- + Tổ chức các hoạt động vui chơi giải trí, tạo sân chơi lành mạnh trong nhà trường

+ Lập hộp thư “Vi tương lai bè bạn”, tuyên truyền để học sinh thấy ý nghĩa của hộp thư và trách nhiệm tham gia hộp thư để thu thập thông tin về những hiện tượng

tiêu cực trong học sinh, giúp nhà trường phát hiện sớm những hiện tượng học sinh sử dụng ma túy, xem phim ảnh sex...

+ Tổ chức và duy trì hoạt động của đội học sinh Cờ đỏ, lực lượng học sinh tự quản nòng cốt tham gia duy trì kỉ luật trường học

+ Tổ chức các hoạt động xã hội, lao động công ích...

- Cử cán bộ Đoàn, cán bộ Đội đi dự các lớp tập huấn về nghiệp vụ hoạt động đoàn, đội; tổ chức giao lưu giữa các trường về công tác đoàn, đội

- Có chế độ bồi dưỡng, khen thưởng thích đáng đối với cống hiến và thành tích của Bí thư Đoàn, Tổng phụ trách Đội.

5.2. Hiệu trưởng phối hợp với Công đoàn trường tổ chức tuyên truyền chính sách dân số trong đội ngũ cán bộ giáo viên, vận động cán bộ giáo viên thực hiện kế hoạch hóa gia đình, thực hiện nhà trường không có cán bộ giáo viên sinh con thứ ba.

6. Hiệu trưởng phối hợp với các lực lượng xã hội tổ chức các hoạt động giáo dục

6.1. Phối hợp với cha mẹ học sinh

- Chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm lớp, thông qua các cuộc họp cha mẹ học sinh, tuyên truyền để cha mẹ học sinh hiểu được về các hoạt động giáo dục trong nhà trường, thống nhất yêu cầu giáo dục giữa nhà trường và gia đình, trách nhiệm của gia đình trong giáo dục con em, thống nhất kênh liên lạc giữa giáo viên chủ nhiệm và cha mẹ học sinh.

- Chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm phối hợp với Ban đại diện chi hội cha mẹ học sinh lớp tham gia tổ chức hoạt động giáo dục học sinh, ví dụ như:

+ Mỗi tháng 1 lần, Ban đại diện chi hội có thể dự giờ sinh hoạt lớp để nắm được tình hình lớp, hoặc trực tiếp tham gia tổ chức tiết học này.

+ Giáo viên chủ nhiệm có thể huy động sự hỗ trợ của cha mẹ học sinh thông qua Ban đại diện chi hội về kinh phí tổ chức hoạt động, đặc biệt là sự tham gia trực tiếp của cha mẹ học sinh cùng với giáo viên chủ nhiệm tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp trong và ngoài nhà trường cho học sinh của lớp.

- Phối hợp với Ban đại diện cha mẹ học sinh trường để có sự hỗ trợ về kinh phí, về cơ sở vật chất, về chất xám trong tổ chức các hoạt động qui mô toàn trường. Mặt khác, Hiệu trưởng thông qua Ban đại diện cha mẹ học sinh lớp, trường để tuyên truyền về các hoạt động giáo dục của nhà trường để cha mẹ học sinh hiểu và hỗ trợ nhà trường.

6.2. Hiệu trưởng tham mưu với cấp ủy, chính quyền địa phương

- Tham mưu với cấp ủy, chính quyền địa phương để Hội đồng giáo dục cơ sở ra nghị quyết về giáo dục, trong đó có qui định nghĩa vụ của cộng đồng, của các ban ngành, các cơ sở kinh tế ở địa phương hỗ trợ nhà trường tổ chức các hoạt động giáo dục.

- Tham mưu với chính quyền để được mở rộng diện tích trường, cấp kinh phí sửa chữa trường lớp, mua sắm thiết bị phục vụ các hoạt động giáo dục.

- Tham mưu với chính quyền địa phương, yêu cầu các quán nước, các tụ điểm vui chơi quanh trường cam kết không bán thuốc lá, rượu bia cho học sinh, không lôi kéo học sinh vào internet sex... nhằm hạn chế học sinh bỏ học đi chơi, vào quán xá là nơi đầy rẫy tệ nạn xã hội.

6.3. Hiệu trưởng phối hợp với các lực lượng xã hội khác

- Phối hợp với cơ quan công an

+ Công an xã, phường bảo đảm môi trường an ninh quanh trường, nhà trường có điều kiện để tổ chức các hoạt động giáo dục an toàn, không bị sự quấy rối của những phần tử càn quấy ở địa phương.

+ Phối hợp với công an giao thông để tổ chức tuyên truyền, giáo dục Luật giao thông đường bộ cho thầy, trò nhà trường.

+ Phối hợp với bộ phận phòng chống tệ nạn ma túy của công an để tổ chức các hoạt động giáo dục phòng chống ma túy.

- Phối hợp với Trung tâm y tế, Hội chữ thập đỏ địa phương tổ chức giáo dục dân số - kế hoạch hóa gia đình trong học sinh và cán bộ giáo viên, giáo dục sức khỏe sinh sản vị thành niên, giáo dục phòng chống ma túy và giáo dục lối sống lành mạnh; kiểm tra sức khỏe định kỳ cho giáo viên, học sinh nhà trường.

- Phối hợp với Hội cựu chiến binh tổ chức giáo dục truyền thống cách mạng ở địa phương...

- Phối hợp với Trung tâm thể dục thể thao quận huyện tổ chức các hoạt động thể thao, Hội khỏe Phù Đổng cấp trường.

- Phối hợp với tổ chức Đoàn địa phương để tổ chức các phong trào đoàn – đội trong nhà trường, hỗ trợ nhà trường tổ chức các hoạt động giáo dục ở địa bàn trong những tháng hè, tổ chức hoạt động lao động công ích, hoạt động xã hội.

- Kết nghĩa với các đơn vị thuộc lực lượng vũ trang để tổ chức các hoạt động giáo dục truyền thống, giáo dục lí tưởng cho thế hệ trẻ.

- Phối hợp với các đơn vị kinh tế để được sự hỗ trợ về kinh phí tổ chức hoạt động, để hướng nghiệp.....

Để thực hiện phối hợp có hiệu quả, đòi hỏi người hiệu trưởng phải phân công giáo viên đại diện hiệu trưởng để thực hiện sự phối hợp với từng tổ chức, có chế độ họp giao ban định kỳ để sự phối hợp được duy trì thường xuyên và có kế hoạch.

7. Hiệu trưởng chỉ đạo xử lý khi phát hiện học sinh nghiện ma túy

- Khi phát hiện học sinh mới sử dụng ma túy:

+ Hiệu trưởng chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm thống nhất yêu cầu và phương pháp giáo dục với cha mẹ học sinh; giáo viên chủ nhiệm phân công cán bộ lớp, cán bộ đoàn – đội, bạn thân thuyết phục, giúp đỡ đồng viên để học sinh không sử dụng nữa.

+ Hiệu trưởng chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm và giám thị phối hợp chặt chẽ với cha mẹ học sinh để quản lý chặt chẽ thời gian của học sinh ở trường và ở nhà.

+ Tìm hiểu nguyên nhân học sinh sử dụng ma túy để có biện pháp loại trừ tận gốc việc sử dụng ma túy của học sinh.

- Với những học sinh sử dụng nhiều lần, có biểu hiện của hội chứng nghiện:

+ Phối hợp với Ban phòng chống tệ nạn xã hội, công an xã phường, y tế xã phường có những biện pháp tích cực để không phát triển thành nghiện.

+ Phối hợp với gia đình quản lý chặt thời gian của học sinh, thống nhất với gia đình yêu cầu và phương pháp giáo dục.

+ Chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm lớp có những biện pháp giúp đỡ, động viên để học sinh vượt qua được bản thân, hòa nhập trở lại với tập thể lớp.

- Với học sinh đã nghiện ma túy: xử lý theo Quy định số Bộ Giáo dục và Đào tạo số 2201/CTCT ngày 22/3/2002.

IV. HIỆU TRƯỞNG TỔ CHỨC KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

Bất cứ hoạt động giáo dục nào, khi tổ chức hoạt động thì Hiệu trưởng phải tổ chức kiểm tra để đánh giá chất lượng, hiệu quả giáo dục, từ đó rút kinh nghiệm và điều chỉnh tổ chức hoạt động nhằm đạt được chất lượng và hiệu quả cao hơn.

Kiểm tra các hoạt động giáo dục bao gồm: (1) kiểm tra hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp; (2) kiểm tra việc tích hợp, lồng ghép nội dung giáo dục dân số - phòng chống ma túy vào một số môn học trên lớp.

1. Kiểm tra hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp

1.1. Kiểm tra hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp được thể hiện qua:

- Kiểm tra việc thực hiện kế hoạch hoạt động của các bộ phận, của các lớp học
- Kiểm tra, đánh giá kết quả giáo dục thông qua hoạt động của học sinh

1.2. Nội dung kiểm tra:

- Kiểm tra công việc nêu trong kế hoạch có được thực hiện không? chỉ ra những việc chưa làm được, nguyên nhân; so sánh kết quả đạt được (các kết quả có thể quan sát được, kiểm tra được) với mục đích yêu cầu của hoạt động.

- Kiểm tra việc làm cụ thể của học sinh, của giáo viên để đi đến đánh giá về: mục tiêu hoạt động có đạt không, nội dung hoạt động có đa dạng, phong phú, thiết thực và phù hợp với đối tượng không? hình thức và biện pháp tổ chức có đảm bảo tính sáng tạo, tự quản của học sinh không?

- Kiểm tra, đánh giá kết quả giáo dục ở học sinh về các mặt:

- + Nhận thức.
- + Động cơ, thái độ tham gia hoạt động.
- + Các nề nếp sinh hoạt, học tập, thói quen đạo đức, kỹ năng hàng vi.
- + Các thành tích học sinh đạt được trong các phong trào thi đua.

1.3. Xây dựng tiêu chí, lực lượng kiểm tra

- Xây dựng tiêu chí đánh giá: khác với hoạt động dạy học trên lớp, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp đa dạng và phong phú, không có chuẩn chung cho mọi hoạt động, để đánh giá được kết quả giáo dục của mỗi hoạt động, Ban chỉ đạo phải tổ chức xây dựng tiêu chí để đánh giá kết quả giáo dục của hoạt động. Phải căn cứ vào mục

đích, yêu cầu của mỗi hoạt động để xây dựng chuẩn đánh giá hoạt động đó, làm cơ sở cho việc kiểm tra, đánh giá rút kinh nghiệm. Kiểm tra để điều chỉnh hoạt động tiếp theo, vì vậy cần chú ý khâu đánh giá rút kinh nghiệm kịp thời sau mỗi hoạt động, tránh tình trạng “đầu voi, đuôi chuột”, không tổng kết rút kinh nghiệm kịp thời như nhiều trường hiện nay.

- Ban chỉ đạo xây dựng lực lượng kiểm tra hoạt động ngoài giờ lên lớp như:

+ Đoàn – Đội chịu trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, đánh giá hoạt động của các lớp học

+ Tổ bộ môn, tổ chủ nhiệm theo dõi, đánh giá sự tham gia của giáo viên bộ môn, giáo viên chủ nhiệm

- Kết quả đánh giá sẽ là một tiêu chí xếp loại thi đua các tập thể lớp, các tổ bộ môn, đồng thời tham gia xếp loại thi đua giáo viên và xếp loại hạnh kiểm học sinh.

1.4. Một số phương pháp kiểm tra hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp:

- Dự một số hoạt động

- Quan sát hoạt động của giáo viên, học sinh

- Kiểm tra hồ sơ, sổ sách

- Kiểm tra sản phẩm hoạt động của học sinh: bài dự thi, báo tường, tranh vẽ...

- Trao đổi, trò chuyện cùng học sinh, giáo viên...

- Tự đánh giá của học sinh

- Báo cáo của giáo viên chủ nhiệm, cán bộ lớp, giám thị...

Sau khi kiểm tra, đánh giá cần rút kinh nghiệm về nội dung, hình thức và phương pháp tổ chức, các điều kiện cơ sở vật chất và tài chính đáp ứng hoạt động, từ đó có những cải tiến nhằm nâng cao chất lượng hoạt động.

2. Kiểm tra việc lồng ghép, tích hợp nội dung giáo dục dân số - phòng chống ma túy vào một số môn học trên lớp

- Kiểm tra giảng dạy nội dung giáo dục dân số - phòng chống ma túy được lồng ghép, tích hợp vào một số môn học phải nằm trong kế hoạch kiểm tra chuyên môn của tổ bộ môn, của nhà trường. Cụ thể là:

+ Dự giờ, kiểm tra hồ sơ giáo án của giáo viên để đánh giá hoạt động dạy của thầy

+ Kiểm tra vở ghi bài của học sinh

+ Thực hiện kiểm tra trắc nghiệm

+ Dự sinh hoạt của tổ nhóm chuyên môn

- Hàng năm, cùng với sơ, tổng kết học kì và năm học, tiến hành sơ, tổng kết các hoạt động giáo dục dân số - phòng chống ma túy; đánh giá kết quả thực hiện lồng ghép, tích hợp các nội dung này, từ đó vạch ra những kết quả đã đạt được, những tồn tại trong giảng dạy cũng như trong công tác quản lý để có hướng cải tiến cho các thời kì sau



1. Xây dựng kế hoạch hoạt động ngoài giờ lên lớp tháng 11 của nhà trường
2. Xây dựng mức độ nội dung và hình thức giáo dục giới tính nhân ngày 8/3 hàng năm cho từng khối lớp trong nhà trường
3. Xây dựng nội dung, chương trình tổ chức ngày cao điểm giáo dục phòng chống ma túy cho toàn trường
4. Xác định mục đích, yêu cầu giáo dục của hoạt động “nụ cười hồng” giúp bạn nghèo đón Tết, từ đó xây dựng tiêu chí đánh giá hoạt động này của các lớp
5. Phân tích những điểm mạnh, điểm yếu trong quản lý các hoạt động giáo dục ở đơn vị công tác. Từ đó rút ra hướng khắc phục những điểm yếu này.



Tóm tắt

Các hoạt động giáo dục là một bộ phận của quá trình giáo dục toàn diện trong nhà trường. Để các hoạt động giáo dục đạt chất lượng thì hiệu trưởng cần thực hiện đồng bộ các biện pháp quản lý sau:

- Công tác kế hoạch:
 - + Xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục năm học phù hợp với điều kiện cụ thể của nhà trường
 - + Cụ thể hóa kế hoạch hoạt động giáo dục năm học thành kế hoạch hoạt động hàng tháng
 - + Có lịch hoạt động tuần, ngày
- Công tác tổ chức:
 - + Thành lập hoặc củng cố Ban chỉ đạo hoạt động giáo dục, phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên trong Ban, xây dựng cơ chế hoạt động của ban chỉ đạo
 - + Qui định nhiệm vụ cụ thể cho các lực lượng giáo dục trong nhà trường trong việc tham gia tổ chức các hoạt động giáo dục
 - + Phối hợp các lực lượng ngoài xã hội hỗ trợ nhà trường tổ chức các hoạt động giáo dục: xác định lực lượng sẽ phối hợp, nội dung phối hợp, cơ chế phối hợp
- Công tác chỉ đạo:
 - + Chỉ đạo các lực lượng giáo dục trong nhà trường: Ban chỉ đạo, Các tổ khối chủ nhiệm, giáo viên chủ nhiệm, các tổ bộ môn, giáo viên bộ môn, các bộ phận thư viện, thiết bị, bảo vệ, giám thị tham gia tổ chức hoạt động giáo dục
 - + Phối hợp với các đoàn thể trong nhà trường tổ chức hoạt động giáo dục
 - + Phối hợp với các lực lượng ngoài xã hội hỗ trợ nhà trường tổ chức hoạt động giáo dục
- Công tác kiểm tra:
 - + Kiểm tra hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp

Chương 5- Quản lý các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp

+ Kiểm tra việc lồng ghép, tích hợp nội dung giáo dục dân số - phòng chống ma túy vào một số môn học trên lớp



1. Nhiều người cho rằng, nhà trường không cần tổ chức giáo dục toàn diện, chỉ cần thầy dạy giỏi – trò học giỏi thì được đánh giá là trường chất lượng giáo dục cao. Anh/Chị có đồng tình với kiến này không? Tại sao đồng tình? Tại sao không đồng tình?

2. Bây giờ bạn dành ít phút để suy ngẫm về những vấn đề vừa nghiên cứu và nghĩ xem Anh/Chị đã học được điều gì và sẽ áp dụng chúng vào trong thực tiễn giáo dục, thực tiễn quản lý của trường Anh/Chị như thế nào. Anh/Chị có ý tưởng gì mới về quản lý các hoạt động giáo dục ở đơn vị công tác? Hãy viết ra những suy nghĩ của Anh/Chị.

Tôi đã học được

Những điều cần phải thay đổi ở bản thân tôi, ở đơn vị công tác về các hoạt động giáo dục này là

Ý tưởng mới của tôi về quản lý các hoạt động giáo dục là



1. Trả lời nhanh những câu hỏi dưới đây trên cơ sở kiến thức Anh/Chị đã học từ chương này:

a) Để thu hút được đông đảo học sinh tham gia một hoạt động ngoài giờ lên lớp, nhà giáo dục phải tuân thủ những yêu cầu nào khi tổ chức hoạt động?

b) Hiệu trưởng cần tổ chức các hoạt động giáo dục phòng chống ma túy như thế nào để đạt được mục tiêu “nhà trường không có ma túy”?

c) Anh/Chị có hài lòng với việc giáo dục dân số - giới tính ở đơn vị công tác không? Tại sao có? Tại sao không?

d) Tại sao Hiệu trưởng cần thành lập Ban chỉ đạo các hoạt động giáo dục?

e): Hiệu trưởng cần làm gì để giáo viên chủ nhiệm có khả năng tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh lớp mình có hiệu quả?

g) Tại sao mọi thành viên trong nhà trường cần tham gia tổ chức các hoạt động giáo dục? Làm thế nào để huy động được họ tham gia tổ chức các hoạt động giáo dục?

h) Tại sao nhà trường phải phối hợp với các lực lượng ngoài xã hội để tổ chức các hoạt động giáo dục?

i) Hiệu trưởng cần chuẩn bị những gì để thực hiện kiểm tra, đánh giá các hoạt động giáo dục?

2. Anh/Chị hãy xây dựng kế hoạch hành động nhằm cải thiện chất lượng các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, dân số/giới tính, phòng chống ma túy ở đơn vị công tác.



Tài liệu học viên cần đọc thêm

1. Luật phòng chống ma túy - Nhà xuất bản chính trị quốc gia - 2001
2. “Pháp lệnh dân số và Nghị định hướng dẫn thi hành” - Nhà xuất bản tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh - 2003
3. “Chiến lược dân số Việt Nam 2001 - 2010”
4. Bộ Giáo dục và Đào tạo - Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp - Sách giáo viên các lớp 6, 7, 8, 9
5. Bộ Giáo dục và Đào tạo - Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp - Sách giáo viên thí điểm – lớp 10, 11, 12
6. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ban giáo dục dân số - kế hoạch hóa gia đình - “Giáo dục giới tính, sức khỏe sinh sản và đời sống gia đình” - Hà Nội - 1998
7. Bộ Giáo dục và Đào tạo - Ủy ban dân số và gia đình trẻ em - “Giáo dục dân số - sức khỏe sinh sản vị thành niên” - Hà Nội 2005
8. Bộ Giáo dục và Đào tạo - “Sổ tay phòng chống ma túy” - Hà Nội - 2000
9. Bộ Giáo dục và Đào tạo - Ban chỉ đạo giáo dục phòng chống AIDS - ma túy - “Nội dung cơ bản về giáo dục phòng chống ma túy” - Hà Nội - 2004
10. Đặng Vũ Hoạt - Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp ở trường trung học cơ sở - Nhà xuất bản Giáo dục - 1998
11. Nguyễn Kim Hồng - “Dân số học đại cương” - Nhà xuất bản giáo dục - 2000
12. Nguyễn Hữu Hợp - Nguyễn Dục Quang - “Công tác giáo dục ngoài giờ lên lớp ở trường tiểu học” - Trường Đại học Sư phạm Hà nội 1 - 1995
13. “Quy định xử lý học sinh, sinh viên vi phạm ma túy” Bộ Giáo dục và Đào tạo số 2201/CTCT ngày 22/3/2002

Các website tham khảo giáo dục giới tính (biểu tượng 11)

1. <http://www.tuvantuoiohoa.com.vn/>
2. <http://www.ykhoa.net/>
3. <http://www.ttvnol.com/>
4. <http://www.bacsigiadinhh.com.vn/>
5. <http://www.hiv.com.vn/>
6. <http://www.dep.com.vn/>
7. <http://www.gioitinhthuoiteen.org.vn/>